

hòa-la lúc còn tại gia ưa thích nhất. Dùng loại ngọc đó trang điểm rồi, liền kéo đến bên Tôn giả Lại-trà-hòa-la, mỗi người ôm một chân mà nói như thế này:

“Không biết hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiến cho hiền lang bỏ tôi để tu phạm hạnh vì nàng?”

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói với các cô vợ cũ rằng:

“Này các cô em, các cô nên biết, tôi không phải vì thiên nữ mà tu phạm hạnh. Sở dĩ tôi tu phạm hạnh, nay đã được mục đích ấy. Những điều Phật dạy, nay tôi đã làm xong.”

Những bà vợ của Tôn giả Lại-trà-hòa-la đứng sang một bên khóc lóc rơi lệ mà nói rằng:

“Tôi không phải em gái của hiền lang, nhưng hiền lang lại gọi tôi bằng cô em.”

Lúc đó Tôn giả Lại-trà-hòa-la quay nhìn về phía cha mẹ, nói:

“Thưa Cư sĩ, nếu có thí cơm, đúng giờ thì thí, tại sao làm phiền nhau?”

Bấy giờ, cha mẹ Tôn giả Lại-trà-hòa-la liền đứng dậy, thân hành lấy nước rửa, dâng ngài các món hào soạn dồi dào, đủ các loại nhai nuốt, tự thân châm chước cho ngài ăn no. Ăn xong thâu gọn chén bát, dùng nước rửa xong, lấy một cái giường nhỏ ngồi riêng nghe pháp.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la thuyết pháp cho cha mẹ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, nói tụng rằng:

*Hãy nhìn hình bóng trang sức này,
Trân bảo ngọc ngà và các thứ;
Tóc uốn lượn buông xuôi phía hữu;
Nốt ruồi xanh, mắt kẽ, mi dài.
Trò dối trá gạt người si dại,
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ!
Với bao nhiêu gấm vóc lụa là,
Mong làm đẹp thân hình xú uế.
Trò dối trá gạt người si dại;
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ!
Và bao nhiêu hương liệu bôi xoa,*

*Châm chấm điểm phấn vàng son đỏ.
Trò dõi trá gạt người si dại;
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ!
Áo tịnh diệu trang hoàng thân thể;
Nhưng nguyên hình huyền hoặc còn trơ.
Trò dõi trá gạt người si dại;
Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ!
Khi nai đã đạp tan lưới bẫy,
Và phá tung cỗng nhốt một đời;
Ta bỏ lại miếng mồi, đi mất;
Ai yêu gì trói buộc thân nai?*

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói tụng rồi, dùng như ý túc nương hư không mà đi. Đến rừng Thâu-lô-tra, đi vào rừng ấy, trải ni-sư-dàn ngồi kiết già dưới cây Bệ-hê-lặc¹⁴.

Bấy giờ, vua Câu-lao-bà¹⁵ với quần thần trước sau vây quanh, ngồi ở chánh điện, bàn tán khen ngợi Tôn giả Lại-trà-hòa-la rằng:

“Nếu ta nghe tin thiện nam tử Lại-trà-hòa-la¹⁶ đến Thâu-lô-tra này thì ta quyết đến thăm.”

Khi ấy vua Câu-lao-bà bảo thợ săn rằng:

“Ngươi hãy đi dò xét rừng Thâu-lô-tra. Ta muốn đến đó săn.”

Thợ săn vâng lời, liền đến dò xét rừng Thâu-lô-tra. Khi người thợ săn dò xét rừng, thấy Tôn giả Lại-trà-hòa-la trải tọa cụ ngồi kiết già dưới cây Bệ-hê-lặc, liền nghĩ: “Người mà vua Câu-lao-bà cùng quần thần ngồi tại chánh điện bàn tán khen ngợi, bây giờ ở đây.”

Khi người thợ săn dò xét rừng Thâu-lô-tra xong rồi, trở về tâu với vua Câu-lao-bà rằng:

“Tâu Đại vương, nên biết, tôi đã xem rừng Thâu-lô-tra rồi. Xin theo ý Đại vương. Tâu Đại vương, Tôn giả Lại-trà-hòa-la, người mà

¹⁴. Bệ-hê-lặc 麥 蘆 勒。 Pāli: vibhūtaka, cây xuyên luyễn (*Terminalia belerica*), có thể dùng quả nó làm thuốc.

¹⁵. Câu-lao-bà; tên vua, chủ khu vườn nai mà Lại-trà-hòa-la đang trú. Xem №(160), kinh “A-лан-na” sau. Pāli: Korravya.

¹⁶. Hán: *Lại-trà-hòa-la tộc tánh tử*. Lại-trà-hòa-la, con trai nhà tông tộc, hay con nhà gia thế.

Đại vương cùng quần thần ngồi ở chánh điện bàn tán khen ngợi rằng: ‘Nếu ta nghe tin thiện nam tử Lại-trà-hòa-la đến Thâu-lô-tra này, ta quyết đến thăm’. Nay Tôn giả Thiện nam tử Lại-trà-hòa-la hiện đang ở trong rừng Thâu-lô-tra, trải tọa cụ ngồi kiết già dưới cây Bệ-hê-lặc, Đại vương muốn gặp có thể đến đó.”

Vua Câu-lao-bà nghe xong, bảo người đánh xe:

“Ngươi mau mau sửa soạn xa giá. Ta muốn đến gặp Lại-trà-hòa-la.

Người đánh xe vâng lệnh, sửa soạn xa giá xong trở lại tâu vua:

“Tâu Đại vương, nên biết, xa giá đã sửa soạn xong. Xin theo ý Đại vương.”

Khi ấy vua Câu-lao-bà liền ngồi xe ra đi đến rừng Thâu-lô-tra. Từ xa trông thấy Tôn giả Lại-trà-hòa-la, nhà vua liền xuống xe, đi bộ đến chỗ Tôn giả Lại-trà-hòa-la. Tôn giả Lại-trà-hòa-la thấy vua Câu-lao-bà đến, nói rằng:

“Đại vương, nay đến đây, muốn ngồi đâu tự tiện ngồi, được chăng?”

Vua Câu-lao-bà đáp:

“Hôm nay tuy tôi đến bờ cõi của mình, nhưng ý tôi muốn thiện nam tử Lại-trà-hòa-la mời tôi ngồi.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la liền mời vua Câu-lao-bà rằng:

“Đây có chỗ ngồi riêng, xin mời Đại vương ngồi.”

Khi ấy, vua Câu-lao-bà với Tôn giả Lại-trà-hòa-la cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên. Vua nói với Tôn giả Lại-trà-hòa-la:

“Có phải ngài vì gia đình suy sụp mà xuất gia học đạo chăng? Nếu vì không có tài vật nên sống đời học đạo, thì này Lại-trà-hòa-la, trong nhà của Câu-lao-bà vương gia này có nhiều tài vật, tôi sẽ xuất tài vật cho Lại-trà-hòa-la, khuyên Lại-trà-hòa-la xả giới bỏ đạo, sống đời dục lạc mà bố thí, tùy ý tu phước nghiệp. Vì sao như vậy? Lại-trà-hòa-la, giáo pháp của Tôn sư rất khó, xuất gia học đạo lại càng khó hơn”.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nghe xong, nói rằng:

“Đại vương nay bằng sự bất tịnh mời tôi, không phải bằng sự thanh tịnh mà mời.”

Vua Câu-lao-bà nghe xong, hỏi:

“Tôi phải làm sao để thỉnh mời Lại-trà-hòa-la bằng sự thanh tịnh,

không phải bằng sự bất tịnh?”

Tôn giả Lại-trà-hòa-la đáp:

“Đại vương, nên nói như thế này: ‘Lại-trà-hòa-la, nhân dân trong nước tôi an ổn, sung sướng, không có việc kinh sợ, không có đấu tranh, không có hà khắc, không có khổ nô dịch; lúa gạo đầy đủ, khất thực dễ được. Lại-trà-hòa-la sống trong nước tôi, tôi sẽ ủng hộ như pháp’. Đại vương, nói như vậy gọi là bằng sự thanh tịnh mời tôi, không phải bằng sự bất tịnh mà mời.”

Vua Câu-lao-bà nghe xong, nói:

“Nay tôi bằng sự thanh tịnh mà mời Lại-trà-hòa-la; không phải bằng sự bất tịnh. Nhân dân trong nước tôi an ổn, sung sướng, không có việc kinh sợ, không có đấu tranh, không có hà khắc, không có khổ nô dịch; lúa gạo đầy đủ, khất thực dễ được. Lại-trà-hòa-la sống trong nước tôi, tôi sẽ ủng hộ như pháp.”

“Lại nữa, Lại-trà-hòa-la, có bốn trường hợp suy vi, do suy vi nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Những gì là bốn? Bệnh suy, lão suy, tài sản suy, thân tộc suy.

“Lại-trà-hòa-la, thế nào là bệnh suy? Hoặc có người trường kỳ bị bệnh; bệnh tật rất nặng, quá đau đớn, người ấy nghĩ rằng: ‘Ta trường kỳ bị bệnh; bệnh tật rất nặng, quá đau đớn. Ta thật có dục vọng nhưng không sống đời dục lạc được. Ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo’. Sau đó, người ấy vì bệnh suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là bệnh suy.

“Lại-trà-hòa-la, thế nào gọi là lão suy? Hoặc có người tuổi già, các căn suy yếu, tuổi thọ gần hết, người ấy nghĩ rằng: ‘Ta tuổi đã già, các căn suy yếu, tuổi thọ gần hết, ta thật có dục vọng nhưng không thể sống đời dục lạc, ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo’. Sau đó, người ấy vì lão suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là lão suy.

“Lại-trà-hòa-la, thế nào là tài sản suy? Hoặc có người bần cùng cô thế, người ấy nghĩ rằng: ‘Ta bần cùng cô thế, ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo’. Sau

đó, người ấy vì tài sản suy nê cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là tài suy.

“Lại-trà-hòa-la, thế nào gọi là thân tộc suy? Hoặc có người bà con tuyệt tự, chết tuyệt, không còn một ai, người ấy nghĩ rằng: ‘Ta nay bà con tuyệt tự, chết tuyệt; không còn một ai. Ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo’. Sau đó người ấy vì thân suy nê cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Đó gọi là thân suy.

“Lại-trà-hòa-la khi xưa không bệnh hoạn, an ổn trọn vẹn, đường tiêu hóa điều hòa, không lạnh không nóng, bình chánh an lạc, thuận hòa không tranh chấp; do đó, các thứ đồ ăn mềm hay cứng được dễ dàng tiêu hóa, an ổn. Như vậy, Lại-trà-hòa-la chẳng phải vì bệnh suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

“Lại-trà-hòa-la khi xưa vào tuổi niên thiếu, tóc đen óng mượt, thân thể khỏe mạnh, rồi xương ca tấu nhạc, mặc tình thỏa thích. Lại chung diện thân thể, thường thích dạo chơi. Lúc ấy bà con không ai muốn để ngài học đạo; cha mẹ khóc lóc, lo sầu áo nã, cũng không cho ngài xuất gia học đạo. Nhưng ngài cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Như vậy, Lại-trà-hòa-la không vì lão suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

“Lại-trà-hòa-la ở trong thôn Thâu-lô-tra này, về phần tài vật, gia đình ngài là đệ nhất, là tối đại, là tối thăng, là tối thượng. Như vậy, Lại-trà-hòa-la không vì tài sản suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

“Lại-trà-hòa-la ở trong rừng Thâu-lô-tra này, các bà con giàu có đều còn sống. Như vậy, Lại-trà-hòa-la không phải vì thân tộc suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

“Lại-trà-hòa-la, đối với bốn trường hợp suy vi ấy, hoặc do một suy vi nào đó nê cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, nhưng tôi thấy Lại-trà-hòa-la không có một suy vi nào khả dĩ khiến Lại-trà-hòa-la cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Lại-trà-hòa-la

hiểu biết thế nào và được nghe những gì mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo?"

"Tôn giả Lại-trà-hòa-la đáp:

"Đại vương, Thế Tôn là đấng đã biết, đã thấy, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đã giảng thuyết bốn sự. Tôi hoan hỷ chấp nhận điều ấy; tôi thấy, nghe, hiểu biết điều ấy, nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

"Những gì là bốn¹⁷? Đại vương, thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa¹⁸. Thế gian này nhất thiết phải đi đến sự già nua¹⁹. Thế gian này không thường, cần phải bỏ đi²⁰. Thế gian này không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tôi tớ của ái²¹."

Vua Câu-lao-bà hỏi:

"Lại-trà-hòa-la, như ngài vừa nói, 'Đại vương, thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa'. Nhưng, Lại-trà-hòa-la, tôi có con, cháu, anh, em, bè đảng, tượng quân, xa quân, mã quân, bộ quân, thảy đều giỏi bắn, giỏi chống cự, nghiêm nghị, dũng mãnh như vương tử, lực sĩ, Bát-la-khiên-đề, Ma-ha-năng-già²²; lại có người xem tướng, có kẻ trù mưu, có người tính toán, có kẻ thông hiểu điển sách, có người giỏi đàm luận, có quân thần, có quyền thuộc, người trì chú, kẻ biết chú, bất cứ phương nào có sự khủng bố thì có kẻ chế phục, ngăn cản. Nếu như lời Lại-trà-hòa-la nói, 'Đại vương, thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa,' thì

¹⁷ Bốn sự kiện theo No.69: lão, bệnh, ái, tử. No.68: đại loại như vậy. Pāli và bản Hán này tương đồng về đại cương.

¹⁸. Pāli: attāñcō loko anabhissaro'ti, thế giới này vô hộ, vô chủ.

¹⁹. Hán: thú hướng lão pháp 趣 向 老 法。 Pāli: upanīyyati loko addhuvo ti, thế gian này không bền vững, bị lôi cuốn đi.

²⁰. Pāli: assako loko sabbam pahāya gamanīyan ti, thế giới này không sở hữu; cần xả bỏ tất cả khi ra đi. Trong bản Hán, assaka, "không có sở hữu" được đọc là asassaka, "không thường hằng".

²¹. Hán: vi ái tẩu sứ 爲 愛 走 使。 Pāli: ūno loko atitto tanhādāso ti, thế gian này thiếu thốn, không thỏa mãn, nô lệ của khát ái.

²². Bát-la-khiên-đề, Ma-ha-năng-già 鉢 邏 齋 提 摩 諦 能 伽, không rõ tên của ai. Đại tang kinh sách dẫn, vol.1 cho là tên của một người. Hoặc giả là tên một con voi chúa (Ma-ha-năng-già: mahānāga).

này Lại-trà-hòa-la, nói như thế có nghĩa gì?”

Tôn giả Lại-trà-hòa-la đáp:

“Đại vương, bây giờ tôi hỏi nhà vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Đại vương; thân này có bệnh chăng?”

Vua Câu-lao-bà đáp:

“Lại-trà-hòa-la, nay thân này của tôi thường có phong bệnh²³.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la hỏi:

“Đại vương, khi phong bệnh bộc phát rất trầm trọng, rất đau đớn, thì này Đại vương, lúc ấy có thể bảo bọn con cháu, anh em, họ hàng thân thích, tượng quân, xa quân, mã quân, bộ quân, thấy đều giỗi bắn, giỗi chống cự, nghiêm nghị, dũng mãnh như vương tử, lực sĩ, Bát-lakiên-đề, Ma-ha-năng-già, kẻ xem tướng, kẻ trù mưu, người tính toán, kẻ thông hiểu điển sách, người giỏi đàm luận, quân thần quyến thuộc, kẻ trì chú, người biết chú, rằng ‘Các ngươi hãy đến, tạm thời thay thế ta chịu sự khổ sở đau đớn để ta khỏi bệnh, an lạc’ được chăng?”

Vua Câu-lao-bà đáp:

“Không được. Vì sao vậy? Tôi tự gây nghiệp; nhân bởi nghiệp, duyên bởi nghiệp, riêng mình chịu khổ sở đau đớn.”

Tôn giả Lại-trà-hòa-la bảo:

“Đại vương, thế cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng ‘Thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa. Tôi muốn nhẫn lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cao bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Vua Câu-lao-bà nói rằng:

“Như Lại-trà-hòa-la đã nói, ‘Đại vương, thế gian này không được bảo vệ, không đáng nương tựa’. Này Lại-trà-hòa-la, tôi cũng muốn nhẫn lạc điều đó. Vì sao như vậy? Thế gian này quả thật không được bảo vệ, không đáng nương tựa.”

Vua Câu-lao-bà lại hỏi:

“Như Lại-trà-hòa-la đã nói, ‘Đại vương, thế gian này tất cả đều đi đến chỗ già nua’. Lại-trà-hòa-la, nói như vậy có nghĩa gì?”

Tôn giả Lại-trà-hòa-la đáp:

“Đại vương, bây giờ tôi hỏi nhà vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà

²³. Hán: *phong bệnh* 風 痘。 Pāli: *anusāyiko ābādho*, bệnh thống phong mãn tính.

trả lời. Lúc Đại vương còn hai mươi bốn tuổi hay hai mươi lăm tuổi thì như thế nào? Khi ấy sự nhanh nhẹn như thế nào đối với ngày nay? Khi ấy, gân sức, hình thể, nhan sắc như thế nào đối với ngày nay?"

Vua Câu-lao-bà đáp:

"Khi tôi còn hai mươi bốn hay hai mươi lăm tuổi, tự nhớ lại thời ấy, sự nhanh nhẹn, gân sức, hình thể, nhan sắc không ai hơn tôi. Lại-trà-hòa-la, tôi nay đã già nua, các căn lụn bại, mạng sống sắp chấm dứt, tuổi đầy tám mươi, đâu có mạnh khỏe như xưa."

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

"Đại vương, thế cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng: 'Thế gian này, tất cả đều đi đến chỗ già nua'. Tôi muốn tiếp nhận điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo."

Vua Câu-lao-bà nói:

"Như Lại-trà-hòa-la nói, 'Đại vương, thế gian này tất cả đều đi đến chỗ già nua'. Tôi cũng muốn tiếp nhận điều đó. Vì sao như vậy? Thế gian này quả thật tất cả đều đi đến chỗ già nua."

Vua Câu-lao-bà lại hỏi:

"Như Lại-trà-hòa-la đã nói, 'Đại vương, thế gian này vô thường, cần phải bỏ đi'. Lại-trà-hòa-la, nói như vậy lại có nghĩa gì?"

Tôn giả Lại-trà-hòa-la đáp:

"Đại vương, bây giờ tôi hỏi nhà vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Đại vương, có nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào, không?"

Vua Câu-lao-bà đáp:

"Đúng vậy!"

Tôn giả Lại-trà-hòa-la lại hỏi:

"Đại vương, có nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào, nếu thời gian đã đến, không thể nương tựa, chịu đựng sự tan vỡ, tất cả đời này đều đi đến chỗ diệt vong; lúc đó nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào, có thể từ đời này mang qua đời sau không?"

Vua Câu-lao-bà đáp:

"Không được. Vì sao như vậy? Tôi phải đơn độc, cô thân, cũng không bạn bè, từ đời này mà đi đến đời sau."

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

“Thế cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng: ‘Thế gian này vô thường, cần phải bỏ đi’. Tôi muốn nhẫn lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Vua Câu-lao-bà nói:

“Như Lại-trà-hòa-la đã nói, ‘Đại vương, thế gian này vô thường, cần phải bỏ đi’. Tôi cũng muốn nhẫn lạc điều đó. Vì sao? Thế gian này quả thật vô thường, cần phải bỏ đi.”

Vua Câu-lao-bà lại hỏi:

“Như Lại-trà-hòa-la đã nói, ‘Đại vương, thế gian này không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tôi tớ của ái’. Lại-trà-hòa-la, nói điều này, như vậy có nghĩa gì?”

Tôn giả Lại-trà-hòa-la đáp:

“Đại vương, bây giờ tôi hỏi nhà vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Có nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào không?”

Vua Câu-lao-bà đáp:

“Đúng vậy.”

Tôn giả Lại-trà-hòa-la lại hỏi:

“Có nước Câu-lâu-sấu dồi dào và hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào; nếu có một người từ phương Đông đến, đáng tín nhiệm, không lừa dối, nói với nhà vua rằng: Tôi từ phương Đông đến, thấy nước ấy vô cùng giàu có an vui, nhân dân đông đúc.”

Tôn giả Lại-trà-hòa-la lại nói:

“Phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng như vậy. Từ bờ biển lớn, nếu có một người đến, đáng tín nhiệm, không lừa dối, nói với nhà vua rằng: Tôi từ bờ biển lớn đến, thấy nước ấy vô cùng giàu có an lạc, nhân dân đông đúc.”

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

“Đại vương, thế cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng: ‘Thế gian này không có sự thỏa mãn, không có biết đủ, là tôi tớ của ái’. Tôi muốn nhẫn lạc điều đó; tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Vua Câu-lao-bà nói:

“Như Lại-trà-hòa-la đã nói, ‘Đại vương, thế gian này không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tôi tớ của ái’. Tôi cũng muốn nhẫn lạc điều đó. Vì sao? Vì thế gian này quả không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ, là tôi tớ của ái.”

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

“Đức Thế Tôn, là đang đã biết, đã thấy, là Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, nói cho tôi nghe bốn việc này. Tôi muốn nhẫn lạc điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chỉ tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Lúc đó, Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói tụng rằng:

*Ta thấy người thế gian,
Có của, ngu không thí;
Được của rồi cầu thêm,
Xan tham chứa chất của.
Nhà vua được thiêng hạ,
Chỉnh ngự tùy sức mình.
Trong nước không biết đủ,
Lại tìm ở nước ngoài.
Nhà vua và nhân dân
Chưa lìa dục, mang vong.
Xỏa tóc, vợ con khóc;
Ôi thôi, khổ khó ngăn.
Bó chăn đệm chôn cất;
Hoặc chất củi hỏa thiêu.
Duyên đi đến đời sau;
Thiêu rồi vẫn ngu dại.
Chết rồi của không theo;
Vợ con và nô tỳ,
Của nhiều cùng chung hưởng;
Ngu, trí, cũng vậy thôi.
Người trí chẳng âu lo;
Kẻ ngu ôm sâu thảm.
Thế nên trí tuệ hơn;
Bước về nẻo chánh giác.
Chấp nhận theo có Hữu,*

Kẻ ngu gây hạnh ác.
 Với pháp, làm phi pháp;
 Dùng sức cưỡng đoạt người.
 Kém trí bắt chước theo;
 Ngu làm nhiều hạnh ác.
 Nhập thai đến đời sau,
 Luôn luôn chịu sanh tử.
 Đã thọ sanh ra đời,
 Chỉ làm các việc ác.
 Như giặc bị bắt trói;
 Tự làm ác hại mình.
 Chúng sanh này như thế,
 Cho mãi đến đời sau.
 Do nghiệp mình đã tạo
 Tự làm ác hại mình.
 Như trái chín tự rụng;
 Già trẻ cũng như vậy.
 Muốn trang điểm, yêu thích;
 Tâm hướng sắc tốt xấu;
 Bị dục trói buộc hại;
 Do dục sanh kinh hãi.
 Vua, tôi thấy giác này,
 Biết Sa-môn vi diệu.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la thuyết như vậy vua Câu-lao-bà sau khi nghe lời Tôn giả Lại-trà-hòa-la thuyết xong, hoan hỷ phụng hành..



133. KINH ỦU-BA-LÝ¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Na-nan-dà², trong vườn xoài Ba-bà-ly³.

Lúc bấy giờ có người Ni-kiền là Trường Khổ Hạnh⁴ sau giờ ăn trưa, ung dung đi đến chỗ Phật, và sau khi chào hỏi, ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bèn hỏi:

“Nhà khổ hạnh Ni-kiền Thân Tử⁵ chủ trương có bao nhiêu hành vi để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp⁶? ”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

“Thưa Cù-đàm, Tôn sư của tôi, Ni-kiền Thân Tử, không giảng dạy cho chúng tôi về những hành vi để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Nhưng người giảng dạy chúng tôi về sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Nhà khổ hạnh Ni-kiền Thân Tử chủ trương có bao nhiêu sự

¹. Bản Hán, quyển 32. Tương đương Pāli, M. 56. Upāli-suttaṃ.

². Na-nan-dà 那難陀。Pāli: Nālandā.

³. Ba-bà-ly nại lâm 波婆離棕林。Pāli: Pāvārikambavana, khu rừng xoài của Pāvārika, một đại phú tại Nālānda (Na-nan-dà), một thị trấn ở gần Rājagaha.

⁴. Trường Khổ Hạnh Ni-kiền 長苦行尼犍。Pāli: Dīghatapassī-nigantha, một đệ tử của Nigaṇṭha-Nāṭaputta (Ni-kiền Thân Tử).

⁵. Ni-kiền Thân Tử 尼犍親子: Nigaṇṭha-Nāṭaputta.

⁶. Hán: *kỷ hành linh bất hành ác nghiệp bất tác ác nghiệp* 幾行令不行惡業不作惡業。Pāli: kati...kammāni paññapeti pāpassa kammaṭṭha kiriyāya pāpassa kammaṭṭha pavattiyā'ti, có bao nhiêu nghiệp để thi hành ác nghiệp, để tiến hành ác nghiệp?

trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?"

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh đáp rằng:

"Thưa Cù-dàm, Tôn sư của tôi, Ni-kiền Thân Tử giảng dạy cho chúng tôi về ba sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Những gì là ba? Đó là sự trừng phạt bằng thân, sự trừng phạt bằng miệng và sự trừng phạt bằng ý⁷.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"Này Khổ Hạnh, thế nào, thân phạt, khẩu phạt, ý phạt có khác nhau không?"

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh đáp rằng:

"Thưa Cù-Dàm, đối với chúng tôi, thân phạt khác, khẩu phạt khác, ý phạt khác."

Đức Thế Tôn lại hỏi:

"Này Khổ Hạnh, các sự trừng phạt này tương tự như vậy. Ni-kiền Thân Tử chủ trương trừng phạt nào nặng hơn hết để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Sự trừng phạt của thân chăng? Của khẩu chăng? Của ý chăng?"

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh đáp rằng:

"Thưa Cù-dàm, các sự trừng phạt này tương tự như vậy. Tôn sư tôi, Ni-kiền Thân Tử chủ trương thân phạt là nặng hơn hết để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Khẩu phạt thì không phải vậy, ý phạt thì nhẹ nhất, không bằng thân phạt vốn 'rất lớn lao, rất nặng nề'."

Thế Tôn lại hỏi:

"Này Khổ Hạnh, ông nói thân phạt nặng nhất chăng?"

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh đáp:

"Thưa Cù-dàm, thân phạt nặng nhất."

Đức Thế Tôn hỏi lại lần thứ ba:

"Này Khổ Hạnh, ông nói thân phạt nặng nhất chăng?"

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh cũng ba lần đáp lại:

"Thưa Cù-dàm, thân phạt nặng nhất."

Đức Thế Tôn thẩm định ba lần Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh việc

⁷. Tam phạt: thân phạt, khẩu phạt, ý phạt 三罰 身罰 口罰 意罰。Pāli: tīṇī ... daiḍāni paññapeti... seyyathidam, kāyadaṇḍam vacidaṇḍam manodaṇḍam.

núi vậy xong, bèn ngồi im lặng.

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh hỏi:

“Sa-môn Cù-dàm chủ trương có bao nhiêu sự trùng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?”

Thế Tôn đáp:

“Này Khổ Hạnh, Ta không giảng thuyết về những trùng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Ta chỉ giảng thuyết về nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp.”

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh hỏi:

“Cù-dàm chủ trương có bao nhiêu nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp?”

Thế Tôn lại đáp:

“Này Khổ Hạnh, Ta giảng thuyết về ba nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Thế nào là ba? Là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp.”

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh lại hỏi:

“Cù-dàm, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác chăng?”

Thế Tôn lại đáp:

“Ta nói, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác vậy”.

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh hỏi:

“Thưa Cù-dàm, ba nghiệp này tương tự như vậy, Ngài chủ trương nghiệp nào nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Là thân nghiệp chăng? Khẩu nghiệp chăng? Ý nghiệp chăng?”

Thế Tôn lại đáp:

“Này Khổ Hạnh, ba nghiệp này tương tự như vậy, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Thân nghiệp và khẩu nghiệp thì không phải vậy.”

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh hỏi:

“Cù-Dàm chủ trương ý nghiệp nặng nhất chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Này Khổ Hạnh, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất.”

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh lại hỏi đến ba lần:

“Cù-Dàm chủ trương thi thiết ý nghiệp là nặng nhất chăng?”

Thế Tôn cũng trả lời đến ba lần:

“Này Khổ Hạnh, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất vậy.”

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh ba lần thẩm định Thế Tôn sự việc đó như vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiều ba vòng quanh Thế Tôn rồi lui về; đi đến chỗ Ni-kiền Thân Tử. Ni-kiền Thân Tử từ xa thấy Trưởng Khổ Hạnh đi đến, liền hỏi:

“Này Khổ Hạnh, ngươi từ đâu đến vậy?”

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh đáp:

“Con từ Na-nan-đà, trong vườn xoài Ba-bà-ly, tại chỗ của Sa-môn Cù-đàm đến đây.”

Ni-kiền Thân Tử hỏi:

“Này Khổ Hạnh, ông có cùng Sa-môn Cù-đàm bàn luận không?”

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh đáp:

“Có bàn luận với nhau.”

Ni-kiền Thân Tử nói rằng:

“Này Khổ Hạnh, nếu đã cùng với Sa-môn Cù-đàm bàn luận, thì hãy nói lại hết cho ta nghe, để hoặc giả ta biết được luận thuyết của vị ấy”.

Rồi Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh mới đem sự việc thảo luận với Thế Tôn nói lại cho ông nghe. Ni-kiền Thân Tử nghe xong, khen rằng:

“Hay thay Khổ Hạnh! Người đối với Tôn sư đã làm đúng pháp của đệ tử. Ông là người mà việc phải làm được thành biện bằng trí tuệ. Với quyết định thông minh, với sự trầm tĩnh không sợ hãi, hoàn toàn tự tin tưởng, đã đạt đến tài hùng biện, đã bắt được ngọn cờ cam lộ, ở trong cảnh giới cam lộ tự thân chứng ngộ, thành tựu an trú⁸. Vì sao vậy? Người vừa rồi đối với Sa-môn Cù-đàm mà giảng thuyết thân phạt là nặng nhất để không hành ác nghiệp, không gây ác nghiệp. Khẩu phạt không như vậy. Ý phạt càng kém hơn; không bằng thân phạt rất lớn lao, rất trầm trọng.”

⁸. Sở tác trí biện, thông minh quyết định, an ổn vô úy, thành tựu điều ngự, dai dắc biện tài dắc cam lộ tràng, ư cam lộ giới, tự tác chứng thành tựu du 所作智辯，聰明決定，安隱無畏，成就調御，逮得辯才，得甘露幢，於甘露界，自作證成就遊。Lời khen ngợi này cũng giống như lời khen ngợi giữa Tôn giả Xá-lợi-phất và Mẫn Tử Tử trong kinh số 9 trên.

Khi ấy, Cư sĩ Ưu-ba-ly⁹ cùng năm trăm Cư sĩ tập họp trong chúng chấp tay hướng Ni-kiền Thân Tử. Rồi Cư sĩ Ưu-ba-ly nói với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh:

“Ngài đã ba lần thẩm định Sa-môn Cù-đàm việc như vậy?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

“Cư sĩ, tôi đã ba lần thẩm định Sa-môn Cù-đàm việc như vậy.”

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh:

“Tôi cũng có thể đến thẩm định ba lần Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như người lực sĩ nắm con dê có cái bờm dài¹⁰ rồi lôi kéo đi đâu tùy ý; tôi cũng như vậy, có thể đến thẩm định ba lần Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như người lực sĩ cầm áo lông giữ bụi, tôi cũng như vậy, có thể đến thẩm định lại ba lần với Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Tôi cũng như vậy, có thể đến thẩm định lại ba lần với Sa-môn Cù-đàm việc như vậy rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như người nấu rượu¹¹, hay đệ tử của người nấu rượu, lấy cái túi lọc rượu đem để vào trong nước, rồi tùy theo ý muốn, lôi đi đâu tùy ý; tôi cũng như vậy, có thể đến thẩm định ba lần Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như con voi chúa đã sáu mươi tuổi, là một đại long tượng kiêu ngạo¹², đủ ngà, đủ vóc, gân sức mạnh mẽ, một lực sĩ dẫn đi, lấy nước rửa bắp vế, rửa xương sống, rửa sườn, rửa bụng, rửa răng, rửa đầu và giỡn chơi trong nước; tôi cũng như vậy, có thể đến thẩm định ba lần với Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi tùy theo chỗ mà tẩy. Tôi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm cùng ông bàn luận, hàng phục xong rồi trở về.”

Ni-kiền Thân Tử nói với Cư sĩ Ưu-ba-ly rằng:

⁹. Ưu-ba-ly cư sĩ 優波離居士, đệ tử tại gia của Ni-kiền Thân Tử. Pāli: Upāli-gahapati.

¹⁰. Chấp trường mao dương 執長髦羊。Pāli: dīghalomikam eļakam lomesu gahetvā, túm lấy lông của con dê có lông dài.

¹¹. Cô tửu sư 沽酒師 (nhà bán rượu). Cô, Tống-Nguyễn-Minh: 酷; Pāli, gồm hai thí dụ: balavā soṇḍikākammakaro, lực sĩ nấu rượu; và balavāsoiḍikādhutto, lực sĩ say rượu.

¹². Kiêu ngạo Ma-ha-năng-già 擔摩訶能加。Không rõ Pāli; nhưng Sanskrit có thể là pramādana-mahānāga, con voi chúa say rượu; thay vì pra-māna- (kiêu mạn). Thí dụ này, trong bản Pāli: (...) kuñjaro saṭṭhihāyano, con voi già sáu mươi tuổi.

“Ta cũng có thể hàng phục Sa-môn Cù-dàm. Ông cũng có thể. Ni-kiền Trường Khổ Hạnh cũng có thể vậy.”

Khi ấy, Ni-kiền Trường Khổ Hạnh thua với Ni-kiền Thân Tử:

“Con không muốn để cho Cư sĩ Uu-ba-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-dàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-dàm biết chú huyền hóa, có thể dùng chú thuật biến hóa làm đệ tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Uu-bà-tắc, Uu-bà-di. Con sợ Cư sĩ Uu-ba-ly bị Sa-môn Cù-dàm biến hóa, hóa làm đệ tử.”

Ni-kiền Thân Tử nói:

“Khổ Hạnh, Cư sĩ Uu-ba-ly mà bị Sa-môn Cù-dàm biến hóa, hóa làm đệ tử, việc đó hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-dàm bị Cư sĩ Uu-ba-ly biến hóa làm đệ tử, chắc chắn có việc ấy.”

Cư sĩ Uu-ba-ly thua lại lần thứ ba với Ni-kiền Thân Tử rằng:

“Hôm nay con đi đến chỗ Sa-môn Cù-dàm cùng ông ấy đàm luận. Hàng phục xong, con trở về.”

Ni-kiền Thân Tử cũng đáp lại lần thứ ba rằng:

“Ông nên đi nhanh đi. Ta cũng có thể hàng phục Sa-môn Cù-dàm. Ông cũng có thể. Ni-kiền Trường Khổ Hạnh cũng có thể vậy.”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh bạch lại lần thứ ba rằng:

“Con không muốn để cho Cư sĩ Uu-ba-ly đi đến chỗ Sa-môn. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-dàm biết chú huyền hóa, có thể dùng chú thuật biến hóa làm đệ tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Uu-bà-tắc, Uu-bà-di. Con sợ Cư sĩ Uu-ba-ly bị Sa-môn Cù-dàm biến hóa làm đệ tử.”

Ni-kiền Thân Tử nói:

“Khổ Hạnh, Cư sĩ Uu-ba-ly bị Sa-môn Cù-dàm biến hóa làm đệ tử, việc đó hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-dàm bị Cư sĩ Uu-ba-ly biến hóa làm đệ tử, chắc chắn có việc ấy. Cư sĩ Uu-ba-ly, người đi tùy ý.”

Lúc ấy, Cư sĩ Uu-ba-ly cúi đầu sát chân Ni-kiền Thân Tử ba lần rồi đi đến chỗ Phật, chào hỏi Phật rồi ngồi sang một bên, hỏi rằng:

“Thưa Cù-dàm, ngày hôm nay Ni-kiền Trường Khổ Hạnh có đến đây không?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Cư sĩ, có đến.”

Cư sĩ Uu-ba-ly hỏi:

“Cù-dàm, có cùng với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đàm luận chăng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Có cùng đàm luận.”

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói:

“Cù-đàm, nếu đã cùng với Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh đàm luận, xin Ngài thuật lại hết cho tôi nghe. Hoặc giả, sau khi nghe xong, tôi biết được việc đó.”

Rồi Thế Tôn thuật hết lại những điều mà Ngài cùng với Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh đàm luận cho Ưu-ba-ly nghe. Lúc đó Cư sĩ Ưu-ba-ly nghe rồi, khen rằng:

“Hay thay Khổ Hạnh! Như vậy mới gọi là đối với Tôn sư làm đúng việc thực hành pháp của một đệ tử. Điều phải làm được thành biện bằng trí tuệ, với quyết định thông minh, với sự trầm tĩnh không sợ hãi, với sự hoàn toàn tự tin tưởng, đạt đến đại biện tài, bắt được ngọn cờ cam lộ, ở trong cảnh giới cam lộ mà tự tác chứng, thành tựu an trú. Vì sao như vậy? Vì đã đối với Sa-môn Cù-đàm mà trình bày thân phạt là tối thượng để không hành ác nghiệp, không gây ác nghiệp. Khẩu phạt không như vậy, ý càng kém hơn, không bằng thân phạt, vốn rất lớn lao, rất nặng nề”.

Khi đó Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Cư sĩ, Ta muốn cùng ông bàn luận về việc này. Nếu như ông an trú trong sự thật, thì bằng sự thật mà đáp¹³. ”

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

“Cù-đàm, tôi an trú trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Cư sĩ, ông nghĩ sao? Ở đây nếu Ni-kiền ưa bố thí, thích hành việc bố thí, không hý luận, ưa sự không hý luận, rất thanh tịnh, chuyên hành chú¹⁴. Nếu khi người ấy đi đến đây, đạp chết nhiều côn trùng lớn

¹³. Pāli: sace kho tvam gahapatī sacce patīlhāya manteyyāsi siyā no ettha kathāsallāpo ti, “nếu ông an trú trên sự thật mà tư duy thì ở đây có thể có hội thoại của chúng ta”.

¹⁴. Trong bản Pāli, đề cập bốn chế giới của Ni-kiền Tử, cātuṭamasāṇvarasāṇvutto: sabbavāriyārito sabbavāriyutto sabbavāridhuto sabbavāriphuṭo, hoàn toàn cấm chỉ nước, hoàn toàn chuyên tâm (vào sự cấm chế tất cả nước).

nhỏ, thì thế nào, Cư sĩ, Ni-kiền Thân Tử đối với việc sát sanh này chủ trương có quả báo ra sao?”

Cư sĩ Uú-ba-ly đáp:

“Thưa Cù-đàm, nếu người ấy cố ý thì có tội lớn, nếu không cố ý¹⁵ thì không có tội lớn.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Cư sĩ, ông nói cố ý là thế nào?”

Cư sĩ Uú-ba-ly đáp:

“Thưa Cù-đàm, đó là ý nghiệp¹⁶ vậy.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, ông nên suy nghĩ rồi trả lời. Những điều nói trước trái với điều sau, sau trái với điều trước, không phù hợp nhau. Cư sĩ, ông ở trong chúng này tự nói: ‘Cù-đàm, tôi an trụ trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này’. Cư sĩ, ông nghĩ sao? Nếu có Ni-kiền chỉ uống nước nóng, dứt hẳn nước lạnh¹⁷. Nhưng khi không có nước nóng bèn muốn uống nước lạnh. Không có nước lạnh người ấy liền chết. Nay Cư sĩ, Ni-kiền Thân Tử có thể nói thế nào về chỗ thác sanh của Ni-kiền ấy?”

Cư sĩ Uú-ba-ly đáp:

“Thưa Cù-đàm, có loại trời gọi là Ý trước¹⁸. Vì Ni-kiền đó mang chung, do ý có chấp trước tất sanh vào chỗ ấy.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, ông nên suy nghĩ rồi sẽ trả lời. Những điều ông nói trước trái với sau, sau trái với trước, không phù hợp nhau. Cư sĩ, ông ở trong chúng này tự nói: ‘Cù-đàm, tôi an trụ trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này’. Cư sĩ, ông nghĩ sao, giả sử có người cầm dao bén tới

¹⁵. Hán: *tu* 思, và *vô tu*. Pāli: cetana; và asañcetanika.

¹⁶. Bản Hán, *tu* tức ý nghiệp. Bản Pāli: *tu* trong trường hợp này là ý phạt: cetanm... manodaiḍasmiṁ.

¹⁷. Pāli: (...) nigaṇṭho ābādhika... sītodakapaṭikkhito uṇhodakapaṭisevī, có người Ni-kiền bệnh... không uống nước lạnh, mà chỉ uống nước nóng.

¹⁸. Ý trước (thiên) 意 著 天。Pāli: Manosatta, những ai khi chết mà còn có chỗ chấp trước sẽ tái sanh vào đây.

đây, người ấy nói rằng: ‘Trong một ngày tôi chém đầu, lột da, xé thịt tất cả chúng sanh ở trong xứ Na-nan-đà này chất thành đống thịt, làm thành khối thịt’. Cư sĩ, ông nghĩ sao, người ấy có thể trong một ngày mà chém đầu, lột da, xé thịt tất cả chúng sanh ở xứ Na-nan-đà này chất thành đống thịt, làm thành một khối thịt không?’

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

“Không thể. Vì sao như vậy? Xứ Na-nan-đà này quá giàu có an vui, nhân dân đông đúc, cho nên người ấy chắc chắn không thể trong một ngày mà chém đầu, lột da, xé thịt tất cả chúng sanh chất thành đống thịt, làm thành khối thịt được. Thưa Cù-đàm, người ấy chỉ gây phiền nhọc vô ích.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, ông nghĩ sao, nếu có Sa-môn, Phạm chí đến, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, người ấy nói như vậy: ‘Ta chỉ khởi một niệm sân, làm cho cả xứ Na-nan-đà này thiêu rụi thành tro’. Này Cư sĩ, ông nghĩ sao? Sa-môn, Phạm chí ấy có thể làm cho cả Na-nan-đà này thiêu rụi thành tro không?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

“Thưa Cù-đàm, đâu phải chỉ một Na-nan-đà, đâu phải chỉ hai hoặc ba, hoặc bốn; mà thưa Cù-đàm, Sa-môn Phạm chí kia có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, nếu khởi lên niệm sân thì có thể làm cho hết thảy các nước, hết thảy nhân dân thiêu rụi thành tro, sá gì một Na-nan-đà?”

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, ông nên suy nghĩ rồi sẽ trả lời. Những điều nói trước trái với sau, sau trái với trước, không phù hợp nhau. Ông ở tại chúng này tự nói: ‘Sa-môn Cù-đàm, tôi an trú trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này’.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Cư sĩ, ông có từng nghe rừng Đại-trạch, rừng Kỳ-lân, rừng Mê-lộc, rừng Tĩnh tịch, rừng Không dã; tại sao những khu rừng ấy

là những khu rừng?¹⁹”

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

“Thưa Cù-dàm, tôi có nghe.”

“Cư sĩ, ông nghĩ sao? Vì ai mà rừng Đại-trạch, rừng Kỳ-lân, rừng Mê-lộc, rừng Tĩnh tịch, rừng Không dã, tại sao những khu rừng này là những khu rừng?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly im lặng không đáp.

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, hãy trả lời nhanh đi! Hãy trả lời nhanh đi! Böyle giờ không phải là lúc im lặng. Cư sĩ! Ở tại chúng này, ông tự nói: ‘Thưa Cù-dàm, tôi an trú trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-dàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này’.”

Lúc ấy, Cư sĩ Ưu-ba-ly chỉ im lặng trong chốc lát rồi nói:

“Thưa Cù-dàm, tôi không im lặng. Tôi chỉ suy nghĩ về ý nghĩa này vậy. Thưa Cù-dàm, bạn Ni-kiền ngu si kia không hiểu rõ ràng, không thể giải biết, không biết khoảnh ruộng tốt mà không tự xét, cứ mãi lừa dối tôi, tôi mê lầm vì họ, nghĩa là vì nhầm đến Sa-môn Cù-dàm mà họ chủ trương thân phạt là nặng nhất để không làm ác nghiệp, không gây ác nghiệp, khẩu phạt và ý phạt không bằng. Nếu như theo những điều mà Sa-môn Cù-dàm đã nói, tôi hiểu ý nghĩa rằng, bởi vì Tiên nhân khởi một niêm sân mà có thể làm cho rừng Đại-trạch, rừng Kỳ-lân, rừng Mê-lộc, rừng Tĩnh tịch, rừng Không dã, những khu rừng này trở thành những khu rừng.

“Bạch Thế Tôn, con đã biết. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Hôm nay con xin quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi xin Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, trọn đời con quy y cho đến khi chết”.

¹⁹ Đại-trạch vô sự, Kỳ-lân vô sự, Mi-lộc vô sự, Tĩnh tịch vô sự, Không dã vô sự
大澤無事，麒麟無事，麋鹿無事，靜寂無事，空野無事。Tham
chiếu dẫn chứng của Duy Thức Nhị Thập Luận: rừng Đàm-trạch-ca, rừng Ma-
đăng-già, rừng Kiết-lăng-già. Những khu rừng này trước kia vốn là những đô thị
trù phú, nhưng do sự phẫn nộ của các đạo sĩ, chúng trở thành rừng xanh. (Xem
giải thích của Khuy Cơ, Duy Thức Nhị Thập Luận Thuật Ký. No.1834, trang 1005
a và ff). Các khu rừng được kể trong bản Pāli: Daṇḍakāraññām Kāliṅgāraññām
Mejjhāraññām Mātaṅgāraññām.

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên lớn tiếng tuyên bố²⁰. Sự im lặng của người thù thắng²¹ như vậy là tốt đẹp.”

Cư sĩ Ưu-ba-ly bạch:

“Bạch Thế Tôn, với sự kiện này, đối với Thế Tôn con lại bội phần hoan hỷ. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn đã nói như thế này: “Cư sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên lớn tiếng tuyên bố. Sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp’.

“Bạch Thế Tôn, nếu như con mà làm đệ tử của các Sa-môn, Phạm chí khác thì họ đã cầm tràng phan, dù lọng đi tuyên bố khắp nơi Na-nan-đà, nói như thế này: ‘Cư sĩ Ưu-ba-ly đã làm đệ tử ta! Cư sĩ Ưu-ba-ly đã làm đệ tử ta!’ Nhưng Thế Tôn lại nói như thế này: ‘Cư sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên lớn tiếng tuyên bố. Sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp’.”

Cư sĩ Ưu-ba-ly lại bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, từ nay về sau con không cho các Ni-kiền đi vào nhà con. Chỉ có bốn chúng đệ tử Thế Tôn, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào mà thôi.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, các Ni-kiền kia cùng với gia đình ông trong một thời gian dài đã tôn kính nhau. Nếu họ có đến thì ông nên tùy theo khả năng của mình mà cúng dường họ.”

Ưu-ba-ly bạch:

“Bạch Thế Tôn, với sự kiện này, đối với Thế Tôn con lại bội phần hoan hỷ. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn đã nói như thế này: ‘Cư sĩ, các Ni-kiền kia đối với gia đình ông trong một thời gian dài đã tôn kính nhau. Nếu họ có đến thì ông nên tùy theo khả năng của mình mà cúng dường họ’. Bạch Thế Tôn, ngày trước con nghe nói Thế Tôn dạy như thế này: ‘Nên cho Ta, đừng cho người khác. Nếu cho Ta sẽ được phước lớn, nếu cho người khác thì không được phước lớn. Cho

²⁰. Hán: *mặc nhiên hành*...; Pāli: manasi karohi...manasi karitvā vyākarohi: hãy suy nghĩ chín chắn. Suy nghĩ chín chắn rồi hãy tuyên bố.

²¹. Thắng nhân 勝人。Pāli nói: nāta-nanussa, người nổi tiếng, vì Upāli vốn là nhân vật nổi tiếng.

đệ tử Ta thì sẽ được phước lớn, cho đệ tử người khác thì không được phước lớn'.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Cư sĩ, Ta không nói như thế. Ta không nói rằng: ‘Nên cho Ta chứ đừng cho người khác. Cho đệ tử Ta chứ đừng cho đệ tử người khác. Nếu cho Ta thì phước lớn, nếu cho người khác thì không được phước lớn. Cho đệ tử Ta sẽ được phước lớn, nếu cho đệ tử người khác thì không được phước lớn’. Cư sĩ, Ta nói như thế này: ‘Hãy cho tất cả tùy theo tâm hoan hỷ. Nhưng cho người không tinh tấn không được phước lớn. Cho người tinh tấn sẽ được phước lớn’.”

Cư sĩ Ưu-ba-ly bạch:

“Bạch Thế Tôn, xin nguyện không làm vậy²². Con tự biết nên cho Ni-kiền hay không nên cho Ni-kiền. Bạch Thế Tôn, hôm nay một lần nữa con xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi xin Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, trọn đời quy y cho đến khi chết.”

Khi ấy Đức Thế Tôn thuyết pháp cho Cư sĩ Ưu-ba-ly, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, như pháp của chư Phật, Đức Phật trước hết nói pháp doan chánh²³ khiến người nghe hoan hỷ, ấy là nói pháp bố thí, trì giới, sanh thiêng, chê bai dục là tai họa, sanh tử là nhơ nhơ; khen vô dục là đạo phẩm vi diệu, là bạch tính.

Thế Tôn nói pháp như vậy cho ông nghe xong, Ngài biết ông có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyễn, tâm kham nại, tâm tăng thượng, tâm hướng đến, tâm không nghi ngờ, tâm không triền cái, có năng lực nhận lãnh chánh pháp. Rồi như pháp chánh yếu mà chư Phật đã nói, Đức Thế Tôn liền nói Khổ, Tập, Diệt, Đạo cho ông nghe. Cư sĩ Ưu-ba-ly ngay tại chỗ ngồi đã thấy bốn Thánh đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như vải trắng dễ nhuộm sắc màu; cũng vậy, Cư sĩ Ưu-ba-ly ngay tại chỗ ngồi thấy bốn Thánh đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Ngay khi đó, Cư

²². *Nguyện vô vi dā* 願 無 爲 也。 Không rõ nghĩa chính xác.

²³. *Doan chánh pháp* 端 正 法。 Trong bản Pāli: anupubbikathā, thuận tự pháp thoại.

sĩ Ưu-ba-ly thấy pháp, đắc pháp, biết pháp bạch tịnh, đoạn nghi độ hoặc, không còn tôn thờ ai khác, không theo ai khác, không còn do dự, đã trụ quả chứng. Đối với pháp của Thế Tôn được vô sở úy, liền rời chỗ ngồi đứng dậy làm lễ Đức Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con ba lần tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Cúi xin Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, trọn đời con quy y cho đến khi chết.”

Rồi Cư sĩ Ưu-ba-ly sau khi nghe pháp được Phật giảng dạy, khéo thọ, khéo trì, cúi đầu lạy chân Phật, đi quanh ba vòng, trở về nhà bảo người đứng giữ cửa rằng:

“Các người nên biết, nay ta là đệ tử của Đức Thế Tôn. Từ nay về sau, các Ni-kiền tử đến chớ cho vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Đức Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào mà thôi. Nếu có Ni-kiền đến thì nói với họ rằng: ‘Tôn giả, Cư sĩ Ưu-ba-ly nay được Phật cải hóa, đã hóa làm đệ tử Phật, nên không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Đức Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào mà thôi. Nếu người cần thức ăn, hãy đứng đó, sē đem thức ăn ra cho.’”

Khi đó, Ni-kiền Trường Khổ Hạnh nghe Cư sĩ Ưu-ba-ly đã được Sa-môn Cù-đàm cải hóa, hóa làm đệ tử và không cho Ni-kiền vào cửa, chỉ cho đệ tử của Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào. Ni-kiền Trường Khổ Hạnh nghe xong như vậy rồi đi đến chỗ Ni-kiền Thân Tử bạch rằng:

“Thưa tôn sư, đây điều con đã nói trước.”

Ni-kiền Thân Tử hỏi:

“Khổ Hạnh, điều gì gọi là điều ngươi đã nói trước?”

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp:

“Thưa tôn sư, con đã nói trước rằng: ‘Không muốn cho Cư sĩ Ưu-ba-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyền hóa, có thể dùng chú thuật hóa làm đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Con sợ rằng Cư sĩ Ưu-ba-ly sẽ bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, hóa làm đệ tử’. Thưa tôn sư, Cư sĩ Ưu-ba-ly nay đã bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa, hóa làm đệ tử rồi, không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho đệ tử Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào.”

Ni-kiền Thân Tử nói:

“Khổ Hạnh, Cư sĩ Uu-ba-ly bị Sa-môn Cù-dàm biến hóa làm đệ tử, việc ấy hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-dàm bị Cư sĩ Uu-ba-ly biến hóa làm đệ tử, việc ấy chắc chắn có.”

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh bạch lại:

“Thưa tôn sư, nếu không tin lời con nói, thì tôn sư có thể thân hành đến, hoặc sai người đến.”

Khi ấy, Ni-kiền Thân Tử bảo:

“Khổ Hạnh, ông nên thân hành đến đó xem sao. Có phải Cư sĩ Uu-ba-ly đã bị Sa-môn Cù-dàm biến hóa làm đệ tử rồi chăng? Hay là Sa-môn Cù-dàm bị Cư sĩ Uu-ba-ly biến hóa làm đệ tử rồi?”

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh vâng lệnh Ni-kiền Thân Tử, đi đến nhà Cư sĩ Uu-ba-ly. Người giữ cửa vườn trông thấy Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh đến, liền nói như thế này:

“Tôn giả, Cư sĩ Uu-ba-ly nay đã được Phật cải hóa, hóa thành đệ tử Phật rồi, nên không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Uu-bà-tắc, Uu-bà-di vào thôi. Nếu ngài muốn nhận thức ăn thì nên đứng đó, con sẽ đem thức ra cho.

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh nói:

“Người giữ cửa, ta không cần thức ăn.”

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh biết việc này như vậy rồi, lắc đầu bỏ đi, về tới chỗ Ni-kiền Thân Tử thưa:

“Thưa tôn sư, đây là điều con đã nói trước.”

Ni-kiền Thân Tử hỏi:

“Khổ Hạnh, cái gì gọi là điều ông đã nói trước?”

Trưởng Khổ Hạnh Ni-kiền đáp:

“Thưa tôn sư, tôi đã nói rằng: ‘Không muốn cho Cư sĩ Uu-ba-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-dàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-dàm biết chú huyền hóa, có thể dùng chú thuật hóa làm đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Uu-bà-tắc, Uu-bà-di. Con sợ rằng Cư sĩ Uu-ba-ly sẽ bị Sa-môn Cù-dàm biến hóa, hóa làm đệ tử’. Thưa tôn sư, Cư sĩ Uu-ba-ly nay đã bị Sa-môn Cù-dàm biến hóa, hóa làm đệ tử rồi, không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho đệ tử Sa-môn Cù-dàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Uu-bà-tắc, Uu-bà-di vào.”

Ni-kiền Thân Tử nói:

“Khổ Hạnh, Cư sĩ Ưu-ba-ly bị Sa-môn Cù-dàm biến hóa làm đệ tử, việc ấy hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-dàm bị Cư sĩ Ưu-ba-ly biến hóa làm đệ tử, việc ấy chắc chắn có.”

Ni-kiền Trưởng Khổ Hạnh bạch lại:

“Thưa tôn sư, nếu không tin lời con nói, thì tôn sư có thể thân hành đến.

Lúc đó Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni-kiền năm trăm người cùng đi đến nhà Cư sĩ Ưu-ba-ly. Người giữ cửa vừa trông thấy Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni-kiền năm trăm người kéo đến, nói như thế này: “Thưa Tôn giả, Cư sĩ Ưu-ba-ly nay đã được Phật cải hóa, hóa thành đệ tử Ngài rồi, nên không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào cửa mà thôi. Nếu ngài muốn nhận thức ăn thì nên đứng đó, con sẽ đem thức ăn ra cho.”

Ni-kiền Thân Tử nói:

“Người giữ cửa, ta không cần thức ăn, ta chỉ muốn gặp Cư sĩ Ưu-ba-ly.”

Người giữ cửa nói:

“Xin ngài đứng đó, để con thưa với Cư sĩ Ưu-ba-ly.”

Người giữ cửa kia liền vào thưa rằng:

“Thưa Cư sĩ, Ni-kiền Thân Tử cùng đại chúng Ni-kiền năm trăm người đứng ở ngoài cửa, nói như thế này: ‘Ta muốn được gặp Cư sĩ Ưu-ba-ly.’”

Cư sĩ Ưu-ba-ly bảo người giữ cửa:

“Ngươi đến cửa giữa²⁴ trải bày tòa ngồi. Bày xong trở lại cho ta biết.”

Người giữ cửa vâng lệnh, đi đến cửa giữa trải bày giường ngồi xong rồi trở lại thưa:

“Thưa Cư sĩ, đã trải giường xong, kính mong Cư sĩ tự biết thời.”

Cư sĩ Ưu-ba-ly dẫn người giữ cửa đi đến nhà giữa. Ở đó có một cái giường thật cao rộng, to lớn, rất sạch sẽ, được trải khéo léo,

²⁴. Hán: trung môn 中 門。 Pāli: majjhimāya dvārasālāya, căn nhà (phòng) giữa có trổ cửa lớn.

đó là chỗ Cư sĩ Ưu-ba-ly trước kia đã bế²⁵ Ni-kiền Thân Tử để ngồi lên đó, thì bây giờ Cư sĩ Ưu-ba-ly tự leo lên ngồi kiết già, bảo với người giữ cửa:

“Ngươi ra chỗ Ni-kiền Thân Tử nói như thế này: ‘Tôn nhân, Cư sĩ Ưu-ba-ly nói tôn nhân muốn vào thì tùy ý’.”

Người giữ cửa vâng lệnh đi ra, đến chỗ Ni-kiền nói như thế này:

“Tôn nhân, Cư sĩ Ưu-ba-ly nói: Tôn nhân muốn vào thì tùy ý.”

Lúc đó, Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni-kiền năm trăm người cùng đến nhà giữa. Cư sĩ Ưu-ba-ly vừa trông thấy Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni-kiền năm trăm người cùng vào, nói như thế này:

“Tôn nhân, ở đây có chỗ ngồi, muốn ngồi xin tùy ý.”

Ni-kiền Thân Tử nói:

“Cư sĩ, ông làm như vậy phải lẽ chăng? Tự mình lên tòa cao ngồi kiết già cùng nói chuyện với người như người xuất gia học đạo không khác?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói:

“Tôn nhân, tôi có đồ vật của mình, muốn cho thì cho, không cho thì không cho. Chỗ ngồi này là của tôi, cho nên tôi nói có chỗ ngồi, muốn ngồi xin tùy ý.”

Ni-kiền Thân Tử trải chỗ ngồi mà ngồi, rồi nói rằng:

“Cư sĩ, vì sao như vậy? Muốn hàng phục Sa-môn Cù-dàm nhưng khi trở về đã bị hàng phục. Cũng như có người vào rừng nên đi tìm con mồi, nhưng khi trở về bị mất con mồi. Cũng vậy, Cư sĩ, muốn đến hàng phục Sa-môn Cù-dàm nhưng khi trở về đã bị hàng phục. Cũng như người vì khát mà xuống ao; nhưng trở lên vẫn cứ khát. Cư sĩ cũng như vậy, muốn đi chinh phục Sa-môn Cù-dàm, thì bị chinh phục ngược trở lại. Cư sĩ, vì sao như vậy?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói:

“Tôn nhân, xin nghe tôi nói dụ. Người trí tuệ nghe dụ thì hiểu được ý nghĩa. Tôn nhân, ví như có một người Phạm chí có người vợ trẻ. Người vợ kia đang có thai, nói với chồng rằng: ‘Tôi nay mang thai, anh hãy đến chợ mua đồ chơi đẹp về cho con’. Lúc đó, Phạm chí kia nói với vợ rằng: ‘Chỉ mong em được bình yên sinh sản, rồi lo gì mà không

²⁵. Hán: bao 抱。 Tống-Nguyễn-Minh: thí 施。

có. Nếu sanh con trai thì mua đồ chơi con trai cho nó. Nếu sanh con gái thì mua đồ chơi con gái cho nó’. Người vợ lại ba lần nói với chồng: ‘Tôi nay đang mang thai, anh hãy đến chợ mua đồ chơi về cho con’. Phạm chí đã ba lần nói lại với vợ rằng: Chỉ mong em được bình yên sanh sản, rồi lo gì mà không có. Nếu sanh con trai thì phải mua đồ chơi con trai. Còn nếu sanh con gái thì mua đồ chơi con gái’. Phạm chí kia thương vợ quá sức, liền nói rằng: ‘Em muốn mua đồ chơi gì cho con?’ Người vợ đáp: ‘Anh mua đồ chơi đẹp là con khỉ con’. Phạm chí nghe rồi, đi vào chợ mua đồ chơi đẹp bằng con khỉ con, đem về nói với vợ: ‘Tôi đã mua đồ chơi đẹp bằng khỉ con về đây’. Người vợ thấy rồi chê rằng màu sắc không đẹp, liền nói với chồng: ‘Anh nên đem thứ đồ chơi khỉ con này thợ nhuộm màu vàng để được rất dễ thương hơn và nhồi cho nó phát ra ánh sáng’. Phạm chí nghe xong, liền cầm đồ chơi con khỉ con đến thợ nhuộm, nói rằng: ‘Hãy nhuộm đồ chơi khỉ con này thành sắc vàng, làm cho nó rất dễ thương và nhồi cho nó phát ra ánh sáng cho tôi’. Khi ấy người thợ nhuộm nói với Phạm chí: ‘Đồ chơi khỉ con nhuộm thành màu vàng làm cho dễ thương, việc này làm được, nhưng không thể nhồi cho nó phát ra ánh sáng được’.

“Khi ấy người thợ nhuộm nói tụng này:

*Khỉ nhỏ tiếp nhận sắc,
 Không hay chịu đảo nhồi.
 Nếu nhồi, nó sẽ chết;
 Chịu sao được với chày?
 Đây là dây xú uế,
 Khỉ con đây bất tịnh.*

“Thưa Tôn nhân, nên biết, những điều được Ni-kiền thuyết cũng giống như vậy, không thể chịu đựng được những nạn vấn của người khác, cũng không thể suy nghĩ quán sát được. Chỉ có nhuộm sự ngu si, không nhuộm trí tuệ. Tôn nhân, xin hãy nghe đây. Cũng như chiếc áo Ba-la-nại thanh tịnh, người chủ cầm đến thợ nhuộm, nói rằng: ‘Nhuộm giùm chiếc áo này thành cực đẹp, làm cho dễ yêu, cũng đập nhồi kỹ cho nó phát ánh sáng’. Lúc đó, thợ nhuộm bảo với chủ áo rằng: ‘Áo này có thể nhuộm thành màu sắc cực đẹp, làm cho dễ ưa; cũng có thể đập nhồi cho phát ánh sáng’.

“Khi ấy thợ nhuộm nói tụng này:

*Như vải Ba-la-nại,
Trắng sạch, chịu sắc màu;
Đập xong thời mềm mại,
Sáng chói, càng thêm đẹp.*

“Thưa Tôn nhân, những điều các Đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã dạy cũng như vậy; rất đủ khả năng chịu đựng những nạn vấn của kẻ khác, cũng có thể suy nghĩ quán sát một cách thỏa đáng được; chỉ có nhuộm trí tuệ, không nhuộm ngu si.”

Ni-kiền Thân Tử nói:

“Cư sĩ, ông đã bị Sa-môn Cù-dàm biến hóa bằng chú huyễn thuật.”

Cư sĩ Ưu-ba-ly nói:

“Tôn nhân, thật tốt đẹp loại chú huyễn hóa ấy, rất tốt đẹp loại chú huyễn hóa. Thưa Tôn nhân, loại chú huyễn hóa đó làm cho cha mẹ tôi được lợi ích an ổn, khoái lạc lâu dài; vợ con, nô tỳ, người giúp việc, quốc vương Na-nan-đà và tất cả thế gian, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời, làm cho họ được lợi ích an ổn khoái lạc lâu dài.”

Ni-kiền Thân Tử nói:

“Cư sĩ, toàn cõi Na-nan-đà đều biết Cư sĩ Ưu-ba-ly là đệ tử Ni-kiền, nay đây cuối cùng là đệ tử của ai?”

Khi ấy, Cư sĩ Ưu-ba-ly liền từ chối ngồi đứng dậy, gối phải quỳ xuống đất, nhắm phương có Phật, chắp tay hướng về, nói:

“Tôn nhân, hãy nghe điều tôi nói đây:

*Đại Hùng, trừ si ngốc;
Diệt uế, bắt hàng phục.
Vô địch, vi diệu tu,
Học giới, thiền, trí tuệ;
An ổn không bợn nhơ;
Ba-ly đệ tử Phật.
Bậc Đại Thánh tu nhiều;
Thành đức tự tại thuyết.
Khéo niệm, quán sát mâu;*

*Không thấp, cũng không cao;
 Bất động, thường tự tại;
 Ba-ly đệ tử Phật.
 Không cong, thường biết đủ;
 Thỏa mãn, trừ xan tham;
 Hiện Sa-môn chứng ngộ,
 Tôn đại sĩ, hậu thân;
 Vô tở, không nhiễm trần;
 Ba-ly đệ tử Phật.
 Bao dung, không ganh ghét;
 Đặng Tịch Mặc nhiệm mâu,
 Dũng mãnh, hằng an ổn;
 Trụ pháp, vi diệu tu,
 Chế ngự, không hý bỡn;
 Ba-ly đệ tử Phật.
 Đại long sống vượt tục,
 Giải trừ mọi sú kiết,
 Ưng thanh tịnh biện tài,
 Tuệ phát, dứt vui buồn;
 Đức Thích-ca, cõi ngoài;
 Ba-ly đệ tử Phật.
 Thiền tư duy Chánh pháp,
 Thanh tịnh, nhiễu loạn trừ;
 Thường cười, không hờn giận;
 Đệ nhất đời viễn ly.
 Thường chuyên tinh, vô úy
 Ba-ly đệ tử Phật
 Bậc Thất Tiên²⁶ vô đẳng,
 Chứng tịnh hạnh, tam minh²⁷
 Tắm sạch, như đèn sáng
 Yên nghỉ, dứt oán kết;
 Dũng mãnh, cực thanh tịnh'*

²⁶. Đức Thích-ca cũng được xưng hiệu là Đệ Thất Tiên.

²⁷. Nguyên Hán: tam đạt 三 達。

*Ba-ly đệ tử Phật.
Tịch tĩnh, tuệ như đất;
Trí trừ tham thế gian;
Đáng thờ, con mắt siêu;
Thượng sĩ không ai sánh;
Tự điều ngự, triệt sân;
Ba-ly đệ tử Phật.
Đoạn dục²⁸, vô thương thiện;
Khéo điều ngự vô song;
Vô thương thường hoan hỷ;
Trù nghi, rực sắc quang;
Đoạn mạn, vô thương giác;
Ba-ly đệ tử Phật.
Đoạn ái, giác tối thương;
Khói tan, lửa đã tắt;
Đảng Như Khứ²⁹, Thiện Thệ;
Đảng Vô Đảng, Tối Tôn;
Đảng Đại Danh, Chân Chánh;
Ba-ly đệ tử Phật.
Trăm lời tán Phật này,
Tự phát, không cần suy.
Những sự Ba-ly nói,
Chư Thiên đến hội tề.
Khéo gia sức hùng biện;
Đúng pháp, đúng nhân tài.
Ni-kiền Thân Tử hỏi:
'Đệ tử của Như Lai'."*

Ni-kiền Thân Tử hỏi:

"Cư sĩ, ông ca ngợi Sa-môn Cù-dàm với ý gì?"

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp:

"Hãy nghe tôi nói dụ, người trí nghe dụ thì hiểu rõ ý nghĩa. Như

²⁸. Hán: *đoạn vọng* 斷望。

²⁹. *Như khứ* 如去, cùng nghĩa với *Như Lai*. Đối với Niết-bàn mà nói là *Như Lai*, đối với sanh tử mà nói là *Như khứ*.

thầy trò người làm tràng hoa, chọn các loại hoa, dùng dây dài kết làm các loại tràng hoa. Cũng vậy, này Tôn nhân, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, có vô lượng xưng tán, là Đẳng Tối tôn, nên tôi ca ngợi.”

Khi nói pháp này, Cư sĩ Ưu-ba-ly xa lìa trần cấu, phát sanh con mắt pháp thấy các pháp. Ni-kiền Thân Tử liền mửa máu nóng, rồi đến nước Ba-hòa³⁰ vì bệnh này mà mạng chung.

Phật nói như vậy, Cư sĩ Ưu-ba-ly nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

□

³⁰. Ba-hòa quốc 波 惣 國。 Tức Pāli: Pāva; xem kinh số 196.

134. KINH THÍCH VẤN¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại phía Đông thành Vương xá, nước Ma-kiệt-dà, trong động đá Nhân-dà-la, trên núi Bệ-dà-đề, phía Bắc thôn Nại lâm².

Bấy giờ Thiên Vương Thích³ nghe Phật du hóa tại phía Đông thành Vương xá, nước Ma-kiệt-dà, trong động Nhân-dà-la, trên núi Bệ-dà-đề, phía Bắc thôn Nại lâm. Khi ấy, Thiên Vương Thích bảo Ngũ Kết nhạc tử⁴ rằng:

“Ta nghe Đức Thế Tôn du hóa tại phía Đông thành Vương xá, nước Ma-kiệt-dà, trong động Nhân-dà-la, trên núi Bệ-dà-đề, phía

¹. Bản Hán, quyển. Tương đương Pāli D. 21 Sakkapañha-sutta. Hán, Biệt dịch No.1(14). Trường A-hàm kinh số 14 “Thích Đề-hoàn Nhân Vấn”; No.15 Phật Thuyết Đề Thích Sở Vấn Kinh, Tổng Pháp Hiền dịch; Tham chiếu No.203 Tập Bảo Tạng Kinh, kinh số 73 “Đề Thích Vấn Sự Duyên Kinh”, Nguyên Ngụy, Cát-ca-dã & Đàm-vô-sấm dịch (Đại 4, tr. 476).

². Ma-kiệt-dà 摩竭陀; Pāli: Magadha. Vương xá thành 王舍城; Pāli: Rājagaha. Nại lâm 榛林; No.1(14) Am-bà, Pāli: Ambasasaīda. Nhân-dà-la thạch thất 因陀羅石室; No.1(14) Nhân-dà-sa-la khốt (quật); Pāli: Indasāla-gūha. Bệ-dà-đề 韶陀提; No.1(14) Ty-dà sơn; Pāli: Vediyaka.

³. Thiên Vương Thích 天王釋 hay Thiên Đề Thích 天帝釋; Pāli: Sakka devānam inda.

⁴. Ngũ Kết nhạc tử 五結樂子; cũng thường gọi là Ngũ Kế 五髻 (năm chỏm); No.14 gọi là Chấp nhạc thân Ban-giá-dực. No.15: Ngũ Kết Càn-thát-bà vương tử. Sở dĩ có tên như vậy vì khi thọ sanh nhân gian, lúc còn nhỏ, vị này thắt năm cái búi tóc trên đầu. Pāli: Pañcasikha Gandhabbattha, một vị Càn-thát-bà (Gandhabba) sử dụng cây huyền cầm.

Bắc thôn Nại lâm. Này Ngũ Kết, ngươi hãy cùng ta đến yết kiến Đức Thế Tôn”.

Ngũ Kết nhặt tử thưa rằng:

“Xin vâng.”

Rồi thì, Ngũ Kết nhặt tử ôm đàn lưu ly⁵ cùng đi theo Thiên Vương Thích. Chư Thiên ở Tam thập tam thiên nghe Thiên Vương Thích rất khát khao muốn gặp Phật, chư Thiên Tam thập tam thiên cũng theo hầu Thiên vương mà đi. Bấy giờ trong khoảnh khắc, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, Thiên Vương Thích cùng chư Thiên Tam thập tam và Ngũ Kết biến mất khỏi cõi trời Tam thập tam, đã hiện đến phía Đông thành Vương xá, nước Ma-kiệt-dà, trên núi Bệ-đà-đề, phía Bắc thôn Nại lâm, cách động đá không xa.

Lúc bấy giờ núi Bệ-đà-đề hào quang chiếu sáng rực rỡ như lửa cháy. Nhân dân ở chung quanh núi thấy vậy nghĩ rằng: “Núi Bệ-đà-đề bị lửa đốt cháy khắp nơi.”

Khi ấy Thiên Vương Thích sau khi đã đứng xuống tại một nơi, bảo rằng:

“Này Ngũ Kết, Đức Thế Tôn là như vậy. Ngài ở trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, thích ở trên sườn núi cao, vắng lặng không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, có đại oai đức; cùng với chư Thiên, ưa thích đời sống xa lánh, tĩnh tọa ấy, đời sống an ổn khoái lạc ấy. Chúng ta chưa thông báo trước, không nên tự tiện bước tới. Này Ngũ Kết, ngươi hãy đi đến thông báo trước, sau đó chúng ta mới bước tới.”

Ngũ kết thưa rằng:

“Xin vâng lời.”

Ngũ Kết sau khi vâng lời dạy của Thiên Vương Thích, liền ôm đàn lưu ly đi trước, đến động đá Nhân-đà-la, rồi nghĩ rằng: “Hãy ở nơi này, cách Phật không gần cũng không xa, để Phật biết được và nghe được âm thanh của ta.”

Khi đã đến đứng ở nơi kia, Ngũ Kết gảy đàn và hát lên những

⁵. Lưu ly cầm 琉璃琴。Pāli: Beluvapāṇḍuvinā: một nhạc khí nguyên là của Māra.

bài tụng nói về tình yêu, nói về rồng, nói về Sa-môn, nói về A-la-hán⁶:

*Hiền nương ơi⁷!
Ta kính lẽ phụ mẫu nàng;
Mặt trăng và Đam-phù-lâu⁸;
Đã sanh nàng thù diệu,
Gây hoan lạc lòng ta.
Như nóng cầu gió mát;
Như khát cầu nước lạnh;
Như vậy, ta yêu nàng,
Như La-hán yêu Pháp.
Như dòng nước, khó giữ!
Luy tình cũng như vậy.
Đời đời mong sống chung,
Như cúng đường Vô Trúoc.
Ao nước trong, vừa mát;
Dưới đáy có cát vàng⁹;
Như voi chúa¹⁰ nóng bức,
Xuống ao tắm mặc tình.
Như voi bị móc câu
Lòng ta bị nàng khuất
Hành động nàng không hay
Yếu điệu, chưa được nàng.
Tâm ý ta hoàn toàn lệ thuộc,
Và phiền oán đã đốt cháy tim;
Và vì vậy không còn hoan lạc,*

⁶. Dục tương ứng kệ, Long tương ứng kệ, Sa-môn tương ứng kệ, A-la-ha tương ứng kệ 欲，龍，沙門，阿羅訶相應偈。Pāli: buddhūpasam̄hitā dhammūpasam̄hitā saṅghūpasam̄hitā arahantūpasam̄hitā kāmūpasam̄hitā, nói về Phật, về Pháp, về Tăng, về A-la-hán, về dục。

⁷. Hán: Hiền 賢。No.1(14) Bạt-dà; Pāli: Bhaddā, con gái của Timbaru, Chấp nhận Thiên vương.

⁸. Hán: nguyệt cặp Đam-phù-lâu 月及耽浮樓。Pāli: (...) Timbarām Suriyavaccase, (cha nàng) Timbara, (và nàng thì) rực rỡ như mặt trời.

⁹. Hán: kim túc sa 金粟沙。Pāli: kiñjakkha, tơ sen hay nhụy sen.

¹⁰. Hán: long tượng 龍象。

Như một người đi vào hang hùm.
 Như Thích tử tư duy thiền tọa,
 Hăng vui say trong sự nhất tâm.
 Như Mâu-ni đạt thành giác ngộ¹¹;
 Cũng diệu tịnh như ta được nàng.
 Như niềm vui Đại thánh Mâu-ni¹²
 Do chứng đắc viên toàn giác đạo.
 Niềm vui ta cũng ở nơi kia,
 Bằng khao khát được nàng hội tụ
 Như người bệnh mong cầu phƯƠng dƯỢC;
 Như đói ăn hoài niệm thức ăn;
 Ôi Hiền nǚ, mong lòng ta tắt,
 Như nước rưới cho ngọn lửa tàn.
 Nếu ta có hành vi tạo phƯỚC,
 Như cúng dƯỜNG La-hán chân nhān¹³;
 Thợ báo ấy tức thành tịnh diệu,
 Ta mong cùng Hiền nǚ sống chung.
 Ta ƯỚC nguyễn bên nàng vĨnh kiẾP;
 Không xa nàng sống lẻ đơn thân.
 Và ta hẹn theo nàng dƯỢC chết,
 Không mong gì cách biệt ly sanh.
 Ôi, Thiên đế cho tôi lời nguyễn,
 BẬC TÔN cao Tam thập tam thiên!
 Ôi Đại Thánh, trên đời tối thượng,
 Biết cho tôi lời nguyễn vững bền.
 Kính lỄ Đấng Hùng Lực,
 Tối thượng giữa nhân gian,
 Dứt trừ gai ái dục,
 Con lạy Đấng Nhật Thân¹⁴.

¹¹. Pāli: amatām muni jīgīsāno, (như) tu sĩ khát vọng sự bất tử (hay cam lộ).

¹². Các từ Mâu-ni ở đây chỉ chung các ẩn sĩ, hay tu sĩ; không chỉ riêng Đức Thích-ca Mâu-ni. Xem thêm chú thích trên.

¹³. Trong nguyên bản: cúng dƯỜNG chư Vô trƯỚC.

¹⁴. Nhật chi thân 日之親。Pāli: Ādicca-bandhu, bà con của mặt trời, chỉ Đức Thích Tôn; theo truyền thuyết, dòng họ Thích xuất thân từ Mặt trời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ tam-muội dậy, tán thán Ngũ Kết Nhạc tử:

“Lành thay! Lành thay! Ngũ Kết, giọng ca của ngươi cùng với tiếng đàn hòa điệu; tiếng đàn và giọng ca hòa điệu. Giọng ca không đi ngoài tiếng đàn; tiếng đàn không đi ngoài giọng ca. Nay Ngũ Kết, ngươi nhớ lại ngày xưa, ngươi có ca tụng bài kệ liên quan đến tình yêu, liên quan đến rồng, liên quan đến Sa-môn, liên quan đến La-hán này chăng?”

Ngũ Kết thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, mong Đại Tiên Nhân¹⁵ tự biết cho. Bạch Đại Tiên Nhân, ngày xưa, khi Thế Tôn mới chứng đắc giác đạo, ở tại Uất-bệ-la¹⁶, bên bờ sông Ni-liên-thiền¹⁷, dưới gốc cây A-xà-hòa-la-ni-câu-loại¹⁸. Bấy giờ con gái của Nhạc vương Đam-phù-lâu¹⁹, tên là Hiền Nguyệt Sắc²⁰ và có một thiên thần tên là Kết, con trai của Ma-đâu-lê, người đánh xe²¹, yêu người con gái kia.

“Bạch Đại Tiên Nhân, vị ấy trong lúc đang yêu người con gái ấy, con cũng yêu người con gái ấy. Nhưng, bạch Đại Tiên Nhân, khi con yêu người con gái ấy mà cuối cùng không được. Bấy giờ con đứng sau người con gái ấy mà ngâm bài kệ liên quan đến tình yêu, liên quan đến rồng, liên quan đến Sa-môn, liên quan đến La-hán này.

“Bạch Đại Tiên Nhân, khi con ngâm bài kệ này, người con gái ấy quay nhìn lại, hân hoan cười nụ và nói với con rằng: ‘Ngũ Kết, tôi chưa

¹⁵ Đại Tiên Nhân 大仙人。Pāli: Mahesi. Chỉ Phật.

¹⁶ Uất-bệ-la 鬱鞞羅。Pāli: Uruvela, tên thôn; phía Nam Bồ-đề đạo tràng.

¹⁷ Ni-liên-thiền hà 尼連禪河。Pāli: Nerañjarā, chi lưu của sông Hằng, cách chỗ Phật thành đạo khoảng một dặm.

¹⁸ A-xà-hòa-la-ni-câu-loại 阿闍憍羅尼拘頰。Pāli: Ajapāla-Nigrodha, tức cây bồ-đề.

¹⁹ Đam-phù-lâu Nhạc vương 暄浮樓樂王。Pāli: Timbaru-Gandhabba-rāja, Thiên âm nhạc (vua Càn-thát-bà) tên là Timbaru.

²⁰ Hiền Nguyệt Sắc 賢月色。Pāli: Bhaddā Suriya-vaccasā, nàng Bhaddā lộng lẫy như mặt trời.

²¹ Thiên danh Kết Ma-đâu-lê ngự xa tử 天名結摩兜麗御車子。No.1(14): Thi-hán-dà, Thiên đại tướng tử; Pāli: Sikkhandī nāma Mātalissa saṭṭhāhakassa putto, Sikkhandi, vốn là con trai của thần đánh xe Mātali.

được thấy Phật Thế Tôn kia, nhưng tôi nghe từ các vị trời Tam thập tam nói rằng: ‘Đức Thế Tôn kia là Như Lai, là Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hữu’. Nay Ngũ Kết, nếu anh đã từng nhiều lần ca ngợi Đức Thế Tôn, vậy anh có thể cùng với tôi đồng thờ kính Đấng Đại Tiên Nhân’. Con chỉ gặp gỡ nàng được một lần duy nhất, từ đó về sau không còn thấy lại.”

Bấy giờ Thiên Vương Thích nghĩ rằng: “Ngũ Kết nhạc tử đã làm cho Thế Tôn ra khỏi thiền định, thông báo ta với Đức Thiện Thệ.” Rồi thì, Thiên Vương Thích nói:

“Ngũ Kết, ngươi hãy đến nơi ấy, thay mặt ta đánh lễ sát chân Phật mà thăm hỏi Đức Thế Tôn rằng: ‘Thánh thể có khỏe mạnh, an ổn khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Bạch Đại Tiên Nhân, Thiên Vương Thích và chư Thiên ở Tam thập tam muốn đến yết kiến Thế Tôn’.”

Ngũ kết thưa:

“Xin vâng.”

Khi đó, Ngũ Kết bỏ đàn lưu ly xuống, chắp tay hướng về Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn! Kính Đại Tiên Nhân! Thiên Vương Thích xin cúi đầu dưới chân Phật, thăm hỏi Thế Tôn rằng: ‘Thánh thể có khỏe mạnh, an ổn khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Bạch Đại Tiên Nhân, Thiên Vương Thích và chư Thiên ở Tam thập tam muốn đến yết kiến Thế Tôn’.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này Ngũ Kết, mong cho Thiên Vương Thích được an ổn khoái lạc. Chư Thiên, loài người, A-tu-la, Kiền-thát-bà, La-sát và tất cả các loài chúng sanh khác đều được an ổn, khoái lạc. Nay Ngũ Kết, Thiên Vương Thích có muốn đến yết kiến Ta, vậy xin cứ tùy ý.”

Ngũ Kết nghe Phật dạy xong, khéo léo thọ trì, đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, trở về đến chỗ Thiên Vương Thích thưa rằng:

“Tâu Thiên vương, tôi đã bạch với Thế Tôn. Thế Tôn nay đang đợi Thiên vương. Mong Thiên vương nên tự biết thời.”

Bấy giờ, Thiên Vương Thích cùng chư Thiên Tam thập tam và

Ngũ Kết nhạc tử đi đến chõ Phật. Khi ấy, Thiên Vương Thích cúi đầu sát chân Phật, ba lần tự xưng danh tánh rằng:

“Bạch Đại Tiên Nhân! Con là Thiên Vương Thích! Con là Thiên Vương Thích!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Quả thật vậy! Quả thật vậy. Này Câu-dực²², ngươi chính là Thiên Vương Thích.”

Thiên Vương Thích ba lần tự xưng danh tánh, đánh lẽ chân Phật rồi đứng sang một bên. Khi ấy, Thiên Vương Thích thưa rằng:

“Bạch Đại Tiên Nhân, con nên ngồi cách Thế Tôn xa hay gần?”

Đức Thế Tôn dạy:

“Ngươi hãy ngồi gần Ta. Vì sao? Vì người có hàng chư Thiên quyền thuộc đồng vây.”

Rồi Thiên Vương Thích đánh lẽ chân Phật và ngồi sang một bên. Chư Thiên Tam thập tam và Ngũ Kết nhạc tử cũng đánh lẽ chân Phật rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy động Nhân-dà-la bỗng nhiên rộng lớn. Vì sao? Vì do oai thần của Phật và oai đức của chư Thiên vây.

Thiên Vương Thích sau khi ngồi xuống, thưa rằng:

“Bạch Đại Tiên Nhân, đã từ lâu con muốn đến yết kiến Thế Tôn, muốn thưa hỏi về giáo pháp. Bạch Đại Tiên Nhân, xưa kia, một thời Đức Thế Tôn du hóa tại nước Xá-vệ, trong một vách đá²³. Bạch Đại Tiên Nhân, lúc đó con có việc riêng, cùng với chư Thiên Tam thập tam đi xe ngàn voi²⁴ đến nhà của đại vương Bệ-sa-môn²⁵; Bệ-sa-môn đại vương gia có người thiếp tên là Bàn-xà-na²⁶.

“Lúc bấy giờ Thế Tôn đang nhập định, im lặng tịch nhiên.

²². Câu-dực 拘 翼, cũng gọi là Kiêu-thi-ca. Pāli: Kosiya, biệt danh của Thiên Đề Thích.

²³. Thạch nham 石 巖。Pāli: Salalāgāra, ngôi nhà (agāra) có những cây sala-la (loại cây tỏa mùi thơm) ở trước cửa (bản hán đọc là Sela-lagāra?). No.1(14): tại ngôi nhà của một người Bà-la-môn.

²⁴. Thiên tượng xa 千 象 車。No.1(14): thiên bức hảo xa, cỗ xe báu có bánh xe nghìn căm.

²⁵. Bệ-sa-môn 韜 沙 門, hoặc Tì-sa-môn. Pāli: Vessavaṇa, Đa Văn Thiên vương, đứng đầu trong Tứ đại Thiên vương.

²⁶. Bàn-xà-na 槃 閣 那。Pāli: Bhūñjatī (Diệu Tý).

Người thiếp kia chắp tay đánh lẽ dưới chân Đức Thế Tôn. Bạch Đại Tiên Nhân, con nói với Bàn-xà-na rằng: ‘Này hiền muội, nay không phải lúc ta đến yết kiến Thế Tôn. Thế Tôn đang nhập định. Nếu khi nào Thế Tôn xuất định, hiền muội hãy thay mặt ta đánh lẽ Thế Tôn và hỏi thăm Thánh thể của Thế Tôn có khỏe mạnh, an ổn, khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoái mái, khí lực bình thường không?’ Bạch Đại Tiên Nhân, cô em ấy có thay mặt con đánh lẽ chân Phật và thăm hỏi Thế Tôn, Thế Tôn có nhớ chăng?’

Đức Thế Tôn bảo:

“Này Câu-dực, cô em ấy có thay mặt người đánh lẽ và cũng nói lại ý người muốn thăm hỏi. Ta có nhớ việc ấy. Này Câu-dực, khi người đi, Ta nghe tiếng xe lăn mà xuất định.”

“Bạch Thế Tôn, ngày xưa con có nghe rằng, khi Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thương Sĩ, Đạo Pháp Ngư, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở đời thì thiên chúng được hưng thịnh mà A-tu-la bị giảm thiểu.

“Bạch Đại Tiên Nhân, chính mắt con trông thấy Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn theo Phật tu hành phạm hạnh, xả dục, ly dục. Khi thân hoại mạng chung được đến cõi an lành, sanh lên trời.

“Bạch Đại Tiên Nhân, Thích nữ Cù-tỳ²⁷ là đệ tử của Thế Tôn cũng theo Thế Tôn tu tập phạm hạnh, ghê tởm thân nữ, ái lạc thân nam, chuyển thân nữ thành thân nam, xả dục, ly dục, khi thân hoại mạng chung được sanh đến cõi Tam thập tam thiên làm con của con. Nàng đã thọ sanh rồi, chư Thiên thấy đều biết, Cù-bà thiên tử²⁸, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần.

“Bạch Đại Tiên Nhân, con lại thấy có ba vị Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn cũng theo Thế Tôn tu tập phạm hạnh, nhưng không xả ly dục, khi

²⁷. Cù-tỳ Thích nữ瞿毗釋女。Pāli: Gopikā nāma Sakya-dhitā.

²⁸. Cù-bà thiên tử瞿婆天子。Pāli: Gopako devaputto.

thân hoại mạng chung chúng sanh vào trong Kỹ nhạc cung²⁹ thấp kém. Họ đã thọ sanh rồi, ngày ngày đến Tam thập tam thiên cùng chư Thiên hầu hạ Cù-bà thiên tử. Thiên tử thấy chúng liền nói bài kệ:

*Pháp nhän Uu-bà-di³⁰,
 Tôi vốn tên Cù-tì,
 Phụng kính Phật và pháp,
 Tịnh ý thờ Tăng-già.
 Tôi đã nhờ ân Phật,
 Thích tử phước đức lớn,
 Diệu sanh Tam thập tam,
 Thiên tử, mọi người biết.
 Biết người vốn Tỳ-kheo,
 Sanh làm thần kỹ nhạc;
 Chắp tay đứng trước mặt
 Cù-bà nói kệ cho.
 Vốn con Đức Cù-dàm;
 Khi tôi ở nhân gian,
 Nhà ta các ngươi đến;
 Ẩm thực tôi cúng dường.
 Người vốn cùng bậc Thánh
 Hành vô thượng phạm hạnh;
 Nay lại để người sai,
 Thường nhật kính phụng trời.
 Xưa tôi hầu hạ người,
 Cùng nghe Thánh diệu pháp.
 Được tín, thành tựu giới;
 Khéo sanh cõi trời này.
 Người vốn được thờ phụng,
 Hành vô thượng phạm hạnh.
 Nay lại để người sai*

²⁹. Kỹ nhạc cung 伎樂宮。Pāli: Gandhabbakāya, đội viên đội âm nhạc của Thiên Đế Thích.

³⁰. Nguyên Hán: *dữ nhän Uu-bà-di* 與眼優婆夷。Pāli: upāsikā cakkhumato ahosi, tôi vốn là Uu-bà-di, vị nữ đệ tử của Bậc Hữu Nhän, tức Đức Phật.

Thường nhật kính phụng trời.
 Mặt mày người là gì?
 Phật pháp đã thọ trì,
 Quay lưng, không hướng Pháp,
 Pháp nội tâm chứng tri³¹,
 Thánh nhän đã dạy rõ³².
 Tôi xưa hâu các vị;
 Nay nhạc thần thấp kém;
 Tự theo phi pháp hành,
 Tự sanh chỗ phi pháp.
 Ta sống đời tại gia;
 Nay xem thắng đức ta,
 Chuyển nử thành thiên tử,
 Thọ ngũ dục tự do.
 Con Cù-dàm bị mắng,
 Buồn nản, khen Cù-dàm³³:
 Ta³⁴ nay hãy tiến hành;
 Thiên tử nói thật đúng.
 Hai trong số cần hành,
 Nhớ pháp luật Cù-dàm,
 Biết dục là tai họa,
 Bèn xả ly dục tham.
 Chúng bị dục trói chặt,
 Tức xả ly được liền.
 Như voi bứt dây xích,
 Vượt Tam thập tam thiên.
 Nhân-dà-la, Thiên, Phạm,
 Tất cả đều đến nhóm.

³¹. Nguyên Hán: *phản bối bất hướng pháp* 反 背 不 向 法, Pháp quay vào nội tâm chứ không hướng ra bên ngoài. Pāli: paccattam veditabbo hi dhammo.

³². Nguyên Hán: *thị nhän giác thiện thuyết* 是 眼 覺 善 說。Pāli: sudesito cakkhumatānubuddho, pháp ấy được khéo thuyết bởi Đấng Giác Ngộ có mắt.

³³. Pāli: te coditā Gotama-sāvakena sañvegam āpādum samecca Gopakam, "họ bị mắng vì là đệ tử của Gotama, cuối cùng, đồng ý với Gopaka (và nói như sau)..."

³⁴. Ta, lời của những Thiên tử bị Cù-bà mắng.

*Họ liền vượt chỗ ngồi,
 Hùng mãnh xả trần dục.
 Đế Thích thấy chúng phiền³⁵;
 Thắng Thiên³⁶, trời trên trời.
 Chúng vốn sanh hạ tiện,
 Nay vượt Tam tam thiên.
 Ưu phiền, rồi tấm tắc³⁷.
 Cù-bà nói sau hết:
 Loài người có Đại Giác,
 Đấng Mâu-ni thắng dục³⁸.
 Con Ngài do lãng quên,
 Bị quở trách, lại được.
 Một trong ba vị kia
 Sanh trong thần kỹ nhạc.
 Hai vị chánh đạo thành
 Tại trời, vui định căn.
 Người nói pháp như vậy;
 Đệ tử không mê hoặc,
 Vượt lâu, đoạn tà nghi,
 Lê Phật, thắng phục căn³⁹.
 Bởi vì tỏ các pháp,
 Hai vị được tiến thăng.
 Từ chỗ tiến thăng ấy
 Sanh lên trời Phạm thiên.*

³⁵. Pāli: Te disvā samvegam (...), (Đế Thích) sau khi thấy chư Thiên hiện diện ưu phiền (vì họ bị vượt qua ngay tại chỗ).

³⁶. Thắng thiên 勝天, chỉ cho Thiên Đế Thích. Pāli: Devabhibhū.

³⁷. Diệu tức ngôn 妙息言 (những lời trầm lắng). Pāli: vaco nisamma, suy nghĩ sâu xa về những lời (khiển trách). Trong bản Hán, đọc là nisama (diệu tức, hoàn toàn lắng xuống), thay vì nisamma (tư duy sâu xa).

³⁸. Nguyên Hán: tri dục 知欲。Pāli: kāmābhībhū, vị đã chiến thắng dục vọng.

³⁹. Thắng phục căn 勝伏根。Pāli: buddham namassāma jinam janidm, “chúng con lễ Phật, Đấng Chiến Thắng muôn loài”. Trong bản Hán, Janinda, Thiên đế của sanh loại, được hiểu là: jana (sanh loại) = jita: bị chinh phục, và inda (Thiên đế) = indriya: căn (quan năng hay giác quan).

*Chúng con biết pháp ấy
Nên đến đây, Đại Tiên!"*

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Vị Quỷ⁴⁰ này không bao giờ
dua nịnh, dối trá, không huyễn hoặc, chất trực. Nếu có hỏi tất là muốn
biết, chứ không phải muốn xúc nhiễu. Những điều vị này muốn hỏi
cũng vậy. Ta hãy nói A-tỳ-dàm thậm thâm.”

Đức Thế Tôn biết như thế rồi, Ngài liền nói bài kệ cho Thiên
Vương Thích:

*Vì an lạc đời này,
Và an lạc đời sau,
Câu-dực tùy ý hỏi,
Theo những điều sở thích.
Điều này hay điều kia,
Ta quyết đoán hết thảy.
Thế Tôn đã nghe cho
Nhật Tiên cầu đạo nghĩa,
Tại nước Ma-kiệt-dà
Hiền Bà-sa-bà hỏi⁴¹.*

Bấy giờ Thiên Vương Thích thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, các loại trời, người, A-tu-la, Kiền-đạt-hòa, La-
sát và các chủng loại khác⁴², mỗi mỗi có bao nhiêu kết sứ⁴³?”

Đức Thế Tôn nghe xong, đáp:

“Này Câu-dực, các loại trời, người, A-tu-la, Kiền-đạt-hòa, La-
sát và các chủng loại khác, mỗi mỗi đều có hai kết là bốn sển và

⁴⁰. Hán: *thử quỷ* 此鬼。 Pāli: ayam yakkho, con quỷ Dạ-xoa này. Yakkha (Dạ-xoa),
Thiên Đế Thích cũng thường được gọi như vậy. Yakkha đôi khi là một mĩ từ
cũng được dùng để tán Phật, như M.56 (tr.386) (...) buddhasa (...)
anupalittassa āhuneyya yakkhassa, Đức Phật (...) vị Yakkha vô nhiễm, ứng
cúng.

⁴¹. Bà-sa-bà 婆婆。 Pāli: Vāsava, một tên khác của Thiên Đế Thích. Xem cht.
21, kinh 131.

⁴². Chủng chủng thân 種種身。 Pāli: Putthukāyā, phàm phu thân.

⁴³. Kết 結。 Pāli: samyojana, chỉ phiền não trói buộc.

ganh tị⁴⁴. Mỗi chủng loại ấy đều nghĩ rằng: ‘Mong sao ta không gãy⁴⁵, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, không đấu, không khổ, sống trong an lạc⁴⁶.’ Chúng tuy nghĩ như vậy, nhưng vẫn có gãy, có kết, có oán, có nhuế, có tranh, có đấu, có khổ mà không sống trong sự an lạc.”

Thiên Vương Thích nghe thế, thưa rằng:

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân, các loài trời, người, A-tulla, Kiền-đạt-hòa, La-sát và các chủng loại khác, mỗi mỗi đều có hai kiết sử. Chúng nghĩ rằng: ‘Mong sao ta không gãy, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, không đấu, không khổ, mà sống trong sự an lạc’. Chúng tuy nghĩ như vậy, nhưng vẫn có gãy, có kết, có oán, có nhuế, có tranh, có đấu, có khổ mà không sống trong sự an lạc. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân. Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành; rồi lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên Nhân, bỗn sển, ganh tị do nhân gì duyên gì, từ đâu sanh ra, do đâu mà có? Lại do nhân gì, duyên gì mà không có bỗn sển và ganh tị?”

Thế Tôn đáp rằng:

“Này Câu-dực, bỗn sển và ganh tị nhân nơi yêu và không yêu⁴⁷, duyên nơi yêu và không yêu; từ nơi yêu và không yêu sanh ra; do yêu và không yêu mà có. Nếu không có yêu, và không yêu thì không có bỗn sển và ganh tị vậy.”

Thiên Vương Thích nghe xong, thưa rằng:

⁴⁴. Xan và tật 憎。 Pāli: issā-macchariya. Trong bản Pāli, Sakka hỏi do kiết sử gì (kim samyojanā) mà chúng sanh gãy hận thù (savera). Phật trả lời như vậy. Hai bản kia cũng tương tự bản Pāli. Có lẽ bản Hán này dịch sát, vì câu hỏi của Thiên Đế Thích phiếm định.

⁴⁵. Hán: vô trượng 無丈。 Pāli: adaiḍā, không chiến tranh, gãy hấn nhau.

⁴⁶. Trong các bản kia, Thiên Đế Thích đã hỏi tương tự như vậy.

⁴⁷. Ái bất ái 愛不愛。 Pāli: Piyāppiya, khả ái và không khả ái, yêu và ghét.

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân. Bốn sển và ganh tị nhân nơi yêu và không yêu, duyên nơi yêu và không yêu; từ nơi yêu và không yêu sanh ra; do yêu và không yêu mà có. Nếu không có yêu, và không yêu thì không có bốn sển và ganh tị. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân. Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên Nhân, yêu và không yêu là do nhân gì, duyên gì, từ đâu phát sanh, do đâu mà có? Lại do nhân nào mà không có yêu và không yêu?”

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Này Câu-dực, yêu và không yêu là nhân nơi dục và duyên nơi dục mà phát sanh, do dục mà có⁴⁸. Nếu vô dục thì không có yêu và không yêu vậy.”

Thiên Vương Thích nghe xong, thưa rằng:

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Yêu và không yêu là nhân nơi dục và duyên nơi dục mà phát sanh, do dục mà có. Nếu vô dục thì không có yêu và không yêu vậy. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên Nhân, dục là do nhân gì, duyên gì, từ đâu mà sanh, do đâu mà có; do nhân nào không có dục?”

Đức Thế Tôn đáp:

⁴⁸. Pāli: chanda: ham muốn.

“Này Câu-dực, dục là do nhân niệm⁴⁹ và duyên nơi niệm, từ nơi niệm mà phát sanh; do niệm mà có; nếu không có suy niệm thì không có dục.”

Thiên Vương Thích nghe thế thưa rằng:

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiên Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân, dục là do nhân niệm và duyên nơi niệm, từ nơi niệm mà phát sanh; do niệm mà có; nếu không có suy niệm thì không có dục. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiên Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên Nhân, niệm là do nhân gì, duyên gì, từ đâu mà sanh, do đâu mà có. Lại do nhân nào không có suy niệm?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Câu-dực, niệm là nhân nơi tư và duyên nơi tư, từ nơi tư mà phát sanh, do tư mà có⁵⁰. Nếu không có tư thì không có niệm.

“Do niệm có dục, do dục có yêu và không yêu. Do yêu và không yêu có bốn sển và ganh tị. Do bốn sển và ganh tị mà sanh ra dao, gậy, đấu tranh, thù nghịch, đua nịnh, đối trá, nói láo, nói hai lưỡi, trong tâm sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy, toàn khối lớn khổ đau này phát sanh.

“Nếu không có tư thì không có niệm. Nếu không có niệm thì không có dục. Nếu không có dục thì không có yêu và không yêu. Nếu không có yêu và không yêu thì không có bốn sển và ganh tị. Nếu không có bốn sển và ganh tị thì không có dao gậy, đấu tranh, thù nghịch, đua nịnh, đối trá, nói láo, nói hai lưỡi, trong tâm không sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy, toàn khối lớn khổ đau này tiêu diệt”.

⁴⁹. Niệm 念, cũng thường nói là 淚尋。Pāli: vitakka. No.1(14) Ái do tưởng sanh; Pāli: chando (...) vitakkanidāno, dục có nguyên nhân là 淚尋, tức 淚 cầu hay suy nghĩ tìm tội.

⁵⁰. Tư 思。Bản Pāli: papañca-saññā-saṅkhā, hý luận vọng tưởng.

Thiên Vương Thích nghe xong, thưa rằng:

“Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu, bạch Đại Tiên Nhân. Niệm là nhân nơi tư và duyên nơi tư, từ nơi tư mà phát sanh, do tư mà có. Nếu không có tư thì không có niệm.

“Do niệm có dục, do dục có yêu và không yêu. Do yêu và không yêu có bốn sỉn và ganh tị. Do bốn sỉn và ganh tị mà sanh ra dao, gậy, đấu tranh, thù nghịch, dua nịnh, dối trá, nói láo, nói hai lưỡi, trong tâm sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy, toàn khối lớn khổ đau này phát sanh.

“Nếu không có tư thì không có niệm. Nếu không có niệm thì không có dục. Nếu không có dục thì không có yêu và không yêu. Nếu không có yêu và không yêu thì không có bốn sỉn và ganh tị. Nếu không có bốn sỉn và ganh tị thì không có dao gậy, đấu tranh, thù nghịch, dua nịnh, dối trá, nói láo, nói hai lưỡi, trong tâm không sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy, toàn khối lớn khổ đau này tiêu diệt.

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên Vương Thích sau khi nghe xong những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên Nhân, thế nào là con đường tiêu diệt hý luận⁵¹. Tỳ-kheo thực hành như thế nào để hướng đến con đường tiêu diệt hý luận?”

Đức Thế Tôn đáp rằng:

“Này Câu-dực, con đường tiêu diệt hý luận là Thánh đạo tám chi. Đó là, chánh kiến, chánh tư duy, cho đến chánh định. Này Câu-dực, đó là con đường tiêu diệt hý luận. Tỳ-kheo thực hành như vậy để hướng đến con đường tiêu diệt hý luận.”

Thiên Vương Thích nghe dạy xong, thưa rằng:

⁵¹. *Diệt hý đạo tích* 滅 戲 道 跡。Pāli: papañca-saññā-saṅkhā-nirodha-gāmini-patipadā, thực hành hay tu tập dẫn đến chỗ diệt trừ hý luận vọng tưởng.

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân, con đường tiêu diệt hý luận là Thánh đạo tâm chi. Đó là, chánh kiến, chánh tư duy, cho đến chánh định. Nay Câu-dực, đó là con đường tiêu diệt hý luận. Tỳ-kheo thực hành như vậy để hướng đến con đường tiêu diệt hý luận. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp mà Đức Phật đã dạy, con đã rõ. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy”.

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên Nhân, một Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận phải đoạn bao nhiêu pháp và hành bao nhiêu pháp?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Câu-dực, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận phải đoạn ba pháp và tu hành ba pháp. Thế nào là ba? Một là niệm, hai là ngôn, ba là cầu⁵².

“Này Câu-dực, niệm ấy Ta nói có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu niệm mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. Nếu niệm nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu niệm kia vậy. Ngôn cũng như thế.

“Này Câu-dực, cầu ấy Ta nói cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu cầu mà không nên hành thì Ta liền đoạn. Nếu cầu mà nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí, để thành tựu cầu kia vậy.”

Thiên Vương Thích nghe xong, thưa:

“Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Tỳ-kheo không hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, đoạn ba pháp, tu hành ba pháp. Thế nào là ba? Một là niệm, hai là ngôn, ba là cầu.

⁵². Niệm, ngôn, cầu 念 言 求; No.1(14): khẩu, tưởng, cầu 口 想 求。Pāli không đề cập và thay bằng somanassa, domanassa, upakkha, hý, ưu và xả. Ba pháp này trong bản Hán được trả lời cho câu hỏi khác ở sau. Xem cht.54 dưới.

Đại Tiên Nhân đã nói, niệm có hai loại nên hành và không nên hành. Nếu niệm tăng trưởng pháp ác bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì Đại Tiên Nhân liền đoạn trừ. Nếu niệm giảm tổn pháp ác bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên Nhân biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu niệm kia vậy. Ngôn cũng như vậy. Đại Tiên Nhân đã nói cầu cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu cầu tăng trưởng pháp ác bất thiện và tổn giảm thiện pháp thì Đại Tiên Nhân liền đoạn trừ. Nếu cầu mà giảm tổn pháp ác bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên Nhân biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu cầu kia vậy.

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên Nhân, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, có bao nhiêu pháp; để thủ hộ Tùng giải thoát⁵³, hành bao nhiêu pháp?

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Câu-dực, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận có sáu pháp; để thủ hộ tùng giải thoát hành sáu pháp. Sáu pháp ấy là gì? Đó là, mắt thấy sắc, tai nghe thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý biết pháp.

“Này Câu-dực, mắt thấy sắc ấy, Ta nói có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu mắt thấy sắc không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. Nếu mắt thấy sắc nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu mắt vậy.

“Cũng như thế, đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc và ý biết pháp ấy, Ta nói cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu ý biết pháp không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. Nếu ý biết pháp nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có

⁵³. Tức Biệt giải thoát (luật nghi), hay Ba-la-đề-mộc-xoa.

trí để thành tựu ý vậy.”

Thiên Vương Thích nghe xong, thưa:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận có sáu pháp; để thủ hộ Tùng giải thoát hành sáu pháp. Sáu pháp ấy là gì? Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý biết pháp. Đại Tiên Nhân đã nói, mắt thấy sắc có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu mắt thấy mà tăng trưởng pháp ác bất thiện và làm tổn giảm thiện pháp thì Đại Tiên Nhân liền đoạn trừ. Nếu mắt thấy sắc làm tổn giảm pháp ác bất thiện và làm tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên Nhân biết lúc nào nên hành vậy. Có niệm, có trí để thành tựu mắt vậy. Cũng như thế, đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý biết pháp cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu ý biết pháp làm tăng trưởng pháp ác bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì Đại Tiên Nhân liền đoạn trừ. Nếu ý biết pháp làm tổn giảm pháp ác bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên Nhân biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu ý vậy. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên Nhân, vị Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, khi thân mang tồn tại trong một khoảnh khắc, phải đoạn bao nhiêu pháp và tu hành bao nhiêu pháp?”

Đức Thế Tôn dạy:

“Này Câu-dực, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, khi thân mang tồn tại trong một khoảnh khắc, lại cũng phải đoạn ba pháp và tu hành ba pháp. Ba pháp ấy là gì? Một là hỷ, hai là ưu và ba là xả⁵⁴.

“Này Câu-dực, hỷ ấy Ta nói có hai loại, nên hành và không nên

⁵⁴. Pāli: somanassa, domanassa, upekkha, xem cht.52 trên.

hành. Nếu hỷ mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. Nếu hỷ nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu hỷ vậy. Ưu cũng như thế.

“Này Câu-dực, xả ấy Ta nói cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu xả mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ. Nếu xả nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu xả vậy.”

Thiên Vương Thích nghe xong, thưa:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận, khi thân mạng tồn tại trong một khoảnh khắc phải đoạn trừ ba pháp và thực hành ba pháp. Ba pháp ấy là gì? Một là hỷ, hai là ưu, ba là xả. Đại Tiên Nhân đã nói hỷ có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu hỷ làm tăng trưởng pháp ác bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì liền đoạn trừ. Nếu hỷ làm giảm tổn pháp ác bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu hỷ vậy. Ưu cũng như thế. Đại Tiên Nhân đã nói xả cũng có hai loại, nên hành và không nên hành. Nếu xả làm tăng trưởng pháp ác bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì liền đoạn trừ. Nếu xả làm tổn giảm pháp ác bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu xả vậy. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên Nhân, tất cả Sa-môn, Phạm chí đều đồng một thuyết, đồng một mong cầu, đồng một sở thích, đồng một an lạc, đồng một ý hướng chăng⁵⁵? ”

^{55.} *Đồng nhất thuyết, đồng nhất dục, đồng nhất ái, đồng nhất lạc, đồng nhất ý*
同一說，同一欲，同一愛，同一樂，同一意。 Pāli: ekantavādā
ekantasīlā ekantachandā ekanta-ajjhosānā ti? Đồng một chủ thuyết, đồng một
giới đức, đồng một ước muốn, đồng một chí hướng.

Đức Phật dạy:

“Này Câu-dực, tất cả Sa-môn, Phạm chí không đồng một thuyết, không đồng một mong cầu, không đồng một sở thích, không đồng một an lạc, không đồng một ý hướng.”

Thiên Vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên Nhân, tất cả Sa-môn, Phạm chí vì lý do gì mà không đồng một thuyết, không đồng một mong cầu, không đồng một sở thích, không đồng một an lạc, không đồng một ý hướng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Câu-dực, thế giới này có nhiều chủng loại giới, có vô lượng giới⁵⁶. Vì ấy tùy theo một giới được biết đến, rồi nhân giới đó tùy khả năng của mình mà nói một chiều rằng ‘Đây là chân thật, ngoài ra đều hư dối’. Nay Câu-dực, cho nên tất cả Sa-môn, Phạm chí không đồng một thuyết, không đồng một mong cầu, không đồng một sở thích, không đồng một an lạc, không đồng một ý hướng vậy.”

Thiên Vương Thích nghe xong, thưa:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Thế giới này có nhiều chủng loại giới, có vô lượng giới. Vì ấy tùy theo một giới được biết đến, rồi ở nơi giới đó tùy khả năng của mình mà nói một chiều rằng ‘Đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng’. Bạch Đại Tiên Nhân, vì thế mà tất cả Sa-môn, Phạm chí không đồng một thuyết, không đồng một mong cầu, không đồng một sở thích, không đồng một an lạc, không đồng một ý hướng vậy. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy”.

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại hỏi:

“Bạch Đại Tiên Nhân, tất cả Sa-môn, Phạm chí đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh, thành tựu cứu

⁵⁶. Pāli: anekadhātu-nānādhātu, vô số giới loại sai biệt.

cánh Phạm Hạnh chăng⁵⁷?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Câu-dực, không hẳn tất cả Sa-môn, Phạm chí đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh Phạm Hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm Hạnh.”

Thiên Vương Thích, thưa:

“Bạch Đại Tiên Nhân, vì lý do gì mà không hẳn tất cả Sa-môn, Phạm chí đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh Phạm bạch tịnh, cứu cánh Phạm Hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm Hạnh?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Câu-dực, nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với vô thượng ái tận, không toàn vẹn chân chánh tâm giải thoát⁵⁸, kẻ ấy không đạt đến cứu cánh, không cứu cánh bạch tịnh, không cứu cánh Phạm Hạnh, không thành tựu cứu cánh Phạm Hạnh.

“Này Câu-dực, nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với vô thượng ái tận toàn vẹn chân chánh tâm giải thoát, kẻ ấy đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh Phạm Hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm Hạnh.”

Thiên Vương Thích, thưa:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân, nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với vô thượng ái tận không hoàn toàn chân chánh tâm giải thoát, kẻ ấy không đạt đến cứu cánh, không cứu cánh bạch tịnh, không cứu cánh Phạm Hạnh, không thành tựu cứu cánh Phạm Hạnh.

“Bạch Đại Tiên Nhân, nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với vô thượng ái tận toàn vẹn chân chánh tâm giải thoát, kẻ ấy đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh Phạm Hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm Hạnh. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Đúng như pháp Phật đã nói, con đã biết, con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, do nghe những điều Phật dạy.”

⁵⁷. Pāli: accantaniṭṭhā accantayogakkhemī accantabrahmacārī accantapariyosānāti? “Đồng một cứu cánh, đồng một an ổn, đồng một phạm hạnh, đồng một mục đích”.

⁵⁸. Pāli: taṇhāsaṃkhaya-vimutta, ái tận giải thoát, hay giải thoát do diệt tận khát ái.

Thiên Vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

Thiên Vương Thích lại nói:

“Bạch Đại Tiên Nhân, con lâu nay bị gai nhọn nghi hoặc, ngày nay được Thế Tôn nhổ ra. Vì sao? Vì Như Lai là Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác vậy.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Câu-dực, ngươi nhớ lại ngày xưa ngươi đã từng hỏi các Sa-môn, Phạm chí việc như thế chăng?”

Thiên Vương Thích đáp:

“Bạch Thế Tôn, mong Đại Tiên Nhân tự biết cho. Bạch Đại Tiên Nhân, chư Thiên Tam thập tam tập họp tại Pháp đường, đều ôm lòng sâu nǎo, thường than thở rằng ‘Chúng ta nếu gặp được Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, quyết sẽ đến yết kiến’. Bạch Đại Tiên Nhân, nhưng chúng con không gặp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, bèn thụ hưởng đầy đủ công đức của ngũ dục⁵⁹.

“Bạch Đại Tiên Nhân, chúng con phóng dật. Sau khi sống phóng dật, vị thiên tử có đại oai đức, ngay nơi chỗ cực diệu mà mang chung. Bạch Đại Tiên Nhân, khi con thấy vị thiên tử đại oai đức ngay nơi chỗ cực diệu mà mang chung bèn chán nản hết sức, lông tóc đều dựng ngược ‘Mong ta không ở nơi này mà mang chung nhanh chóng’.

“Bạch Đại Tiên Nhân, con do sự chán này, sự ưu nǎo này, nên thấy Sa-môn, Phạm chí nào sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, thích ở trên sườn núi cao, vắng bặt không có tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa; sau khi thấy vị ấy ưa thích nơi xa vắng, tĩnh tọa, sống an ổn khoái lạc, con cho rằng đây là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, liền đến yết kiến.

“Vị ấy không biết con, nên hỏi rằng: ‘Ông là ai?’

“Lúc đó con đáp rằng ‘Bạch Đại Tiên Nhân, con là Thiên Vương Thích. Bạch Đại Tiên Nhân, con là Thiên Vương Thích’.

⁵⁹. Ngũ dục công đức. Pañca kāma-guṇā, năm phẩm chất, hay đặc tính, của dục.

“Vị ấy lại hỏi ‘Ta từng thấy Thích và cũng thấy chủng tánh Thích. Vì lý do gì gọi là Thích? Vì lý do gì gọi là chủng tánh Thích?’

“Con liền đáp rằng ‘Bạch Đại Tiên Nhân, nếu có ai đến hỏi con việc như vậy, con liền tùy khả năng, tùy sức⁶⁰ mà trả lời, cho nên được gọi là Thích’.

“Vị ấy lại hỏi ‘Chúng ta nếu tùy theo việc mà hỏi Thích, Thích cũng tùy việc mà đáp lại ta’.

“Vị ấy hỏi việc con, nhưng con không hỏi việc vị ấy. Vị ấy quy mạng con, nhưng con không quy mạng vị ấy.

“Bạch Đại Tiên Nhân, từ nơi Sa-môn Phạm chí kia, hoàn toàn không được oai nghi giáo pháp, huống nữa lại được hỏi như vậy sao?”

Lúc ấy, Thiên Vương Thích nói bài tụng:

*Thích⁶¹ đi qua, đi qua;
Thích hay nói như thế.
Ý tưởng niệm lìa xa;
Trù nghi, các do dự;
Từ lâu đi trong đời,
Tìm cầu Đức Như Lai.
Thấy Sa-môn, Phạm chí
Tĩnh tọa nơi xa xôi
Cho là Chánh Đẳng Giác;
Đến phụng cúng, lạy thờ:
'Làm sao được thăng tấn'.
Như vậy con hỏi Ngài
Đã hỏi, không được đáp,
Thánh đạo và đạo tích.
Thế Tôn nay vì con,
Nếu ý có sở nghi,
Sở niệm và sở tư,
Và sở hành của ý;
Biết tâm ẩn và hiện,
Thánh Nhãm nói cho hay.*

^{60.} *Tùy sở năng, tùy kỳ lực.* Định nghĩa từ sakka, mà nghĩa đen là “khả năng”.

^{61.} *Tức Thiên Đề Thích..*

*Tôn Phật là Đạo Sư,
Tôn Vô trước Mâu-ni,
Tôn Bậc Đoạn kết sủ,
Độ mình và độ người.
Đệ nhất trong hàng giác ngộ;
Tối thương ngự trong hàng Điều ngự;
Tối diệu tịch trong hàng Tịch tĩnh;
Đáng Đại Tiên, độ mình, độ người.
Nên con lễ Đại Hùng;
Cúi lạy Tối Thương Nhân;
Đoạn tuyệt gai ái dục;
Kính lạy Đáng Nhật Thân.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại hỏi rằng:

“Này Câu-dực, ông có nhớ ngày xưa, được xả ly như vậy, được hoan hỷ⁶² như vậy, nghĩa là do nơi Ta mà dạy được pháp hỷ chăng?”

Thiên Vương Thích thưa:

“Bạch Thế Tôn, mong Đại Tiên Nhân tự biết cho.

“Bạch Đại Tiên Nhân, một thời xưa, chư Thiên và A-tu-la chiến đấu với nhau. Bạch Đại Tiên Nhân, khi chư Thiên và A-tu-la chiến đấu với nhau, con nghĩ rằng ‘Mong chư Thiên thắng, phá vỡ A-tu-la. Thực phẩm của chư Thiên và thực phẩm của A-tu-la hãy để tất cả cho Tam thập tam thiên thọ thực’.

“Bạch Đại Tiên Nhân, khi chư Thiên đánh nhau với A-tu-la, chư Thiên đắc thắng, phá vỡ chúng A-tu-la. Thực phẩm của chư Thiên và thực phẩm của A-tu-la, tất cả đều được chư Thiên Tam thập tam thọ thực.

“Bạch Đại Tiên Nhân, bây giờ có ly, có hỷ, nhưng xen lẫn dao gậy, kết oán, đấu tranh, thù nghịch, không được thần thông, không được giác đạo, không được Niết-bàn.

“Bạch Đại Tiên Nhân, ngày nay được ly, được hỷ, không xen lẫn dao gậy, kết oán, đấu tranh, thù nghịch, được thần thông, được giác đạo và được Niết-bàn.”

⁶². Hán: đắc ly đắc hỷ. Pāli: veda-paṭilābha, somanassa-paṭilābha, có được cảm giác phấn khích, hoan hỷ.

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Câu-dực, do đâu người được ly được hỷ? Do nơi Ta mà được pháp hỷ chăng?

“Thiên Vương Thích đáp rằng:

“Bạch Đại Tiên Nhân, con nghĩ rằng ‘Ta mang chung ở đây, sanh nơi nhân gian. Ở đó nếu có dòng họ rất giàu sang, tiền của vô số, sản nghiệp, súc mục không thể tính được. Phong hô thực ấp các thứ đầy đủ, hoặc là chủng tộc Sát-lợi trưởng giả, chủng tộc Phạm chí trưởng giả và các chủng tộc khác, rất là giàu sang, của cải vô số, sản nghiệp, súc mục không thể tính được. Phong hô thực ấp các thứ đầy đủ. Sau khi sanh vào chủng tộc như thế, thành tựu các căn, có tín tâm đối với pháp luật mà Đức Như Lai giảng thuyết. Sau khi có tín tâm, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo và học trí. Sau khi học trí, nếu thành đạt trí, liền chứng đắc cứu cánh trí, đạt đến biên tế cứu cánh. Nếu sau khi học trí mà không được cứu cánh học trí và sau khi học trí thì có chư Thiên nào đó có đại phước hựu, có sắc tượng uy nguy, chói sáng rực rỡ, rất có oai lực, an ổn khoái lạc, sống mãi trong cung, sành nơi tối thượng. Ta sanh trong đó”.

Bấy giờ Thiên Vương Thích nói bài tụng:

*Xả ly thân Thiên thần,
Sanh xuống nơi nhân gian;
Thác thai không ngu muội,
Tùy sở thích hân hoan.
Thành thân đã hoàn mĩ,
Chất trực, tu Thánh đạo,
Hành phạm hạnh trọn đủ
Sống vui đời xin ăn.*

“Và sau khi học trí, nếu được trí, liền chứng đắc cứu cánh trí, đạt đến biên tế cứu cánh. Nếu học trí và sau khi học trí rồi mà được trí nhưng không chứng đắc cứu cánh trí, đã thành vị trời tối thượng diệu, chư Thiên đều nghe danh, đó là Sắc cứu cánh thiên, sẽ sanh vào đó. Bạch Đại Tiên Nhân, con mong sẽ chứng đắc A-na-hàm. Bạch Đại Tiên Nhân, con nay đã chứng đắc Tu-dà-hoàn.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này Câu-dực, ngươi do đâu mà được sai giáng⁶³ rất tốt đẹp, cực cao, cực rộng này, để có thể tự nói là đã chứng đắc Tu-dà-hoàn?”

Bấy giờ Thiên Vương Thích dùng bài kệ đáp:

*Không còn tôn ai khác
Ngoài cảnh giới Thế Tôn.
Chứng Vô thượng sai giáng,
Cõi này thật chưa từng.
Đại Tiên, con ngồi đây,
Ngay với thân trời này
Con liền được tăng thọ
Chính mắt thấy như vậy.*

Khi nói pháp này, Thiên Vương Thích xa lìa trần cấu, pháp nhẫn của các pháp phát sanh. Tâm vạn chư Thiên cũng được xa lìa trần cấu, pháp nhẫn của các pháp phát sanh. Khi ấy Thiên Vương Thích thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, không còn tôn ai khác, không còn do ai khác, không còn do dự, đã an trụ trên quả chứng, đối với giáo pháp của Phật mà chứng đắc vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy Phật, Pháp và Chứng Tỳ-kheo. Ngưỡng mong Thế Tôn nhận con làm Uu-bà-tắc. Kể từ hôm nay cho đến trọn đời, con tự quy y cho đến khi mạng chung.”

Bấy giờ Thiên Vương Thích ngợi khen Ngũ Kết nhạc tử rằng:

“Lành thay! Lành thay! Ngũ Kết, ngươi đã giúp ích cho ta rất nhiều. Lý do vì sao? Do ngươi mà Phật xuất định, bởi ngươi trước hết khiến Thế Tôn từ định ra, khiến ta sau đó mới yết kiến được Thế Tôn. Nay Ngũ Kết! Sau khi từ đây trở về, ta đem Hiền Nguyệt Sắc, con gái của Nhạc vương Đam-phù-lâu gả cho ngươi và đem bốn quốc của Nhạc vương ấy trao cho ngươi, phong tặng ngươi làm vua kỵ nhạc⁶⁴. ”

⁶³. *Sai giáng* 差 降, ở đây có lẽ chỉ sự lần lượt chuyển sanh.

⁶⁴. Tức phong làm Càn-thát-bà vương.

Bấy giờ Thiên Vương Thích bảo chư Thiên Tam thập tam rằng:

“Các ngươi hãy lại đây! Nếu trước kia chúng ta vốn là Phạm thiên, sống trên cõi Phạm thiên, thường ba lần cung kính, lễ sự Phạm thiên vương thì các vị ấy nay tất cả đều cung kính lễ sự Thế Tôn. Lý do vì sao? Vì Thế Tôn là Phạm thiên, là vị Phạm thiên sẽ tạo hóa những bậc tối tôn, những chúng sanh đã sanh, những chúng sanh đã có và sẽ có, những gì Phạm thiên biết, Ngài đều biết hết, những gì Phạm thiên có thể thấy, Ngài đều thấy hết.”

Rồi Thiên Vương Thích, chư Thiên cõi Tam thập tam, Ngũ Kết nhạc tử, nếu trước kia từng là Phạm thiên, sống trên cõi Phạm thiên, ba lần cung kính, lễ sự Phạm thiên, thì nay họ thấy đều hướng sự cung kính, lễ sự ấy đến Đức Thế Tôn, cúi đầu trước Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ, Thiên Vương Thích, chư Thiên Tam thập tam và Ngũ Kết nhạc tử lại lần nữa cung kính lễ sự Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi bỗng nhiên biến mất khỏi chỗ đó, không thấy nữa.

Bấy giờ Phạm thiên với sắc tượng nguy nguy, sáng chói rực rỡ, vào lúc trời gần sáng, đi đến chỗ Phật, cúi đầu sát chân Phật, rồi đứng sang một bên, dùng kệ bạch Thế Tôn:

*Do gây nhiều thiện ích
Do lợi nghĩa, là “trời”.
Hiền giả ở Ma-kiệt,
Bà-sa-bà hỏi han.*

“Khi Đại Tiên Nhân nói pháp này, Thiên Vương Thích xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp khác phát sanh và tám vạn chư Thiên cũng xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Phạm thiên rằng:

“Quả như vậy! Quả như vậy! Đúng như Phạm thiên đã nói:

*Do gây nhiều thiện ích
Do lợi nghĩa, là “trời”.
Hiền giả ở Ma-kiệt,
Bà-sa-bà hỏi han.*

“Này Phạm thiên, khi Ta nói pháp, Thiên Vương Thích xa lìa trần

cấu, pháp nhän về các pháp phát sanh và tám vạn chư Thiên cũng xa lìa trần cấu, pháp nhän về các pháp phát sanh.”

Đức Phật thuyết như vậy. Thiên Vương Thích, chư Thiên Tam thập tam, Ngũ Kết nhạc tử và Đại phạm thiên, sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



135. KINH THIỆN SANH¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương-xá, trong rừng Nhiêu hà mô².

Bấy giờ, trong thành Vương-xá có con của vị Cư sĩ tên là Thiện Sanh³. Khi người cha sắp lâm chung, nhân sáu phương mà trối trăn, khéo dạy khéo quở rằng:

“Này Thiện Sanh! Sau khi cha mất, con phải chắp tay mà lạy sáu phương rằng: ‘Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

“Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi’.”

Thiện Sanh, con trai Cư sĩ, nghe cha dạy xong, thưa rằng:

“Con xin vâng theo lời cha dạy bảo.”

¹. Tương đương Pāli D.31 Siṅgālovāda-suttanta. Hán, biệt dịch No.1(16) Trưởng A-hàm Kinh 16 “Thiện Sanh”; No.16. Phật Thuyết Thi-ca-la-việt Lục Phương Lễ Bái Kinh, Hậu Hán, An Thế Cao dịch; No.17 Phật Thuyết Thiện Sanh Tử Kinh, Tống, Chi Pháp Độ dịch.

². Nhiêu hà mô 饒 蝦 蟆, chỗ nuôi ēnh ương (hay nuôi sóc?). No.1(16) nói: trên núi Kỳ-xà-quật tức Linh thứu. Pāli nói: Veļuvane Kalandaka-nivāpe, trong rừng Trúc, chỗ nuôi sóc.

³. No.1(16): trưởng giả tử. Pāli: Gahapati-putto, con trai gia chủ.

Sau khi cha mất, vào mỗi sáng sớm, Thiện Sanh tắm gội xong, mặc áo sô-ma mới⁴, tay cầm lá câu-xá⁵ còn tươi, đi đến bờ sông, chắp tay lạy sáu phương:

“Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

“Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.”

Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn mang y, cầm bát vào thành Vương xá khất thực. Khi Đức Thế Tôn vào thành Vương xá khất thực, từ xa trông thấy Thiện Sanh, con vị Cư sĩ, vào lúc sáng sớm, tắm gội, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá còn tươi, đi đến bờ sông, chắp tay lạy sáu phương:

“Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

“Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.”

Đức Thế Tôn thấy thế, liền đi đến gần, hỏi Thiện Sanh, con trai Cư sĩ:

“Này con trai Cư sĩ, ông thọ nhận sự giáo hóa của Sa-môn, Phạm chí nào? Ai dạy ông cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng sáu phương? Mà vào mỗi buổi sáng tắm rửa, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá

⁴. Sô-ma y 麦 磨 衣 (Pāli: khoma: áo len). №.1(16): toàn thân đều ướt. Pāli: allavattham alla-kesam: áo và tóc đều ướt hết.

⁵. Câu-xá diệp 拘 舍 葉, có lẽ Pāli gọi là kusa, một loại cỏ thơm (cỏ cát tường).

câu-xá còn tươi, đi đến bờ sông, chấp tay lạy sáu phương:

“Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

“Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi?”.

Thiện Sanh, con trai Cư sĩ, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, không có vị Sa-môn, Phạm chí nào dạy con cả. Bạch Thế Tôn, cha con khi sắp lâm chung, nhân sáu phương mà trối lại con, khéo dạy, khéo quở rằng: ‘Này Thiện Sanh! Sau khi cha mất, con phải chấp tay mà lạy sáu phương rằng: ‘Ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

“Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.’

“Bạch Thế Tôn, con vâng lời trối của cha nên con cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng. Mỗi sáng sớm tắm gội, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá còn tươi đi đến bờ sông, chấp tay lạy sáu phương rằng: ‘Phương Đông nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

“Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết

lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.””

Đức Thế Tôn sau khi nghe như vậy, Ngài nói rằng:

“Này con trai Cư sĩ, Ta nói có sáu phương, chớ không nói là không có⁶. Ngày con trai Cư sĩ, nếu có người khéo phân biệt sáu phương, xa lìa những nghiệp ác bất thiện ở bốn phương, người đó ngay trong đời này đáng được cung kính, tôn trọng. Sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sẽ sanh đến thiện xứ, sanh vào cõi trời. Ngày con trai Cư sĩ, chúng sanh có bốn loại nghiệp, bốn loại ô uế⁷. Những gì là bốn? Ngày con trai Cư sĩ, sát sanh là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh; lấy vật không được cho, tà dâm, vọng ngôn, là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ này:

*Sát sanh cùng trộm cắp,
Tà dâm lấy vợ người,
Lời nói không chân thật,
Bậc trí không ngợi khen.*

“Ngày con trai Cư sĩ, con người do bốn việc mà bị nhiều tội lỗi. Bốn việc đó là gì? Đó là đi theo dục, đi theo sân hận, đi theo sợ hãi và đi theo ngu si⁸. ”

Rồi Đức Phật dạy tiếp bài kệ:

*Dục, nhuế, bố và si;
Làm hạnh ác, phi pháp,
Thanh danh tất bị diệt,
Như mặt trăng sắp tàn.*

“Ngày con trai Cư sĩ, con người do bốn việc mà được nhiều phước. Bốn việc đó là gì? Đó là không đi theo dục, không đi theo sân hận,

⁶: Tham chiếu No.1(16): “có tên của sáu phương, nhưng trong pháp của Hiền Thánh không phải lạy như vậy.” Tham chiếu Pāli: na (...) ariyassa vinaye evam chaddisā namassitabhā ti, “trong luật của bậc Thánh, không phải lạy sáu phương như vậy”.

⁷: No.1(16): *nghiệp kết*. Pāli: cattāro kamma-kilesā, bốn phiền não, hay bốn sự ô nhiễm, của nghiệp.

⁸: Hán: hành dục, hành khuế (nhuế), hành bố, hành si 行 欲 行 患 行 怖 行 癡。 Pāli: chandāgatiṃ dosāgatiṃ bhayāgatiṃ mohāgatiṃ.

không đi theo sợ hãi và không đi theo ngu si.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy bài kệ:

*Đoạn dục, không nhuế, bối,
Không si, hành pháp hạnh;
Thanh danh được tròn đủ,
Như mặt trăng dần đầy.*

“Này con trai Cư sĩ, kẻ mong cầu của cải nên biết sáu điều phi đạo⁹. Sáu điều đó là gì? Một là với mọi chơi bời¹⁰ mà mong cầu tài vật là phi pháp. Hai là rong chơi không phải lúc¹¹ mà mong cầu tài vật là phi pháp. Ba là đam mê rượu chè mà mong cầu tài vật là phi pháp. Bốn là gần gũi ác tri thức mà mong cầu tài vật là phi pháp. Năm là đam mê kỹ nhạc mà mong cầu tài vật là phi pháp. Sáu là quen lười biếng mà mong cầu tài vật là phi pháp.

“Này con của vị Cư sĩ, với kẻ chơi bời bài bạc, nên biết có sáu tai họa. Sáu tai họa đó là gì? Một là, thắng¹² thì sanh oán thù. Hai là, thua thì sanh xấu hổ. Ba là, mắc nợ¹³ thì ngủ không yên. Bốn là, khiến kẻ thù vui mừng. Năm là, khiến thân thuộc lo âu. Sáu là, nói giữa đám đông không ai tin dùng. Ngày con trai Cư sĩ, người chơi bài bạc thì làm việc không kinh doanh. Làm việc không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có được. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng tiêu hao.

“Này con trai Cư sĩ, với người rong chơi không phải lúc, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là không tự giữ mình. Hai là không giữ gìn tài vật. Ba là không giữ gìn vợ con. Bốn là bị người nghi ngờ¹⁴. Năm là sanh nhiều khổ hoạn¹⁵. Sáu là bị người hủy

⁹. Lục phi đạo 六 非 道。Pāli: cha bhogānam apāya-mukhāni, sáu nguyên nhân cho sự hao tài.

¹⁰. Hán: chửng chửng hý 種 種 戲； Pāli:jūta-ppamāda-tṭhānuyogo, đam mê cờ bạc.

¹¹. Hán: phi thời hành 非 時 行。Pāli: vikāla-visikhā-cariyānuyogo, du hành đường phố phi thời.

¹². Trong bản Hán: phụ 負 “thua”. Theo ngữ cảnh, phải hiểu “thắng”.

¹³. Trong bản Hán: phụ 負， ở đây nên hiểu là “mắc nợ”.

¹⁴. Pāli: saṃkiyo hoti pāpakesu thānesu, bị tình nghi các trường hợp phạm tội.

¹⁵. Nghĩa là, chuốc vào thân những chuyện rắc rối.

báng¹⁶. Này con trai Cư sĩ, người rong chơi không phải lúc thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng tiêu hao.

“Này con của vị Cư sĩ, với người đam mê rượu chè, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là tài sản hiện tại bị tổn thất. Hai là thân bị nhiều bệnh hoạn. Ba là đấu tranh càng tăng trưởng. Bốn là để lộ chỗ kín. Năm là tổn thất danh tiếng. Sáu là mất trí, thành ngu. Này con của vị Cư sĩ, người đam mê rượu thì việc làm không kinh doanh được. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

“Này con nhà Cư sĩ, người gần gũi tri thức ác, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là thân cận giặc cướp. Hai là thân cận kẻ lừa gạt. Ba là thân cận kẻ say xưa. Bốn là thân cận kẻ buông lung. Năm là tụ hội chơi bời. Sáu là lấy đó làm thân hữu, lấy đó làm bạn đồng hành¹⁷. Này con nhà Cư sĩ, người gần gũi ác tri thức thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

Này con trai Cư sĩ, với người đam mê kỹ nhạc, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là mê nghe ca. Hai là mê xem vũ. Ba là mê đánh nhạc. Bốn là mê xem lắc chuông. Năm là thích vỗ tay. Sáu là thích tụ hội đông người. Này con nhà Cư sĩ, người đam mê kỹ nhạc không phải lúc thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

Này con nhà Cư sĩ, với người lười biếng, nên biết có sáu tai họa.

¹⁶. Pāli: nāṇa nāṇī cūla tīrtha thitī.

¹⁷. Dịch sát: *dī thǚ vi thân hữu dī thǚ vi bạn lữ* 以 此 爲 親 友 以 此 爲 伴 侶; tối nghĩa. Pāli: ye sāhasikā tyāssa mittā honti, te sahāyā, “những kẻ thô bạo, thật vậy, là những người bạn, những người đồng hành của nó”. Bản Hán hiểu sāhasika (thô bạo) cùng gốc với sahāya (bằng hữu).

Sáu món đó là gì? Một là quá sớm, không làm việc. Hai là quá trễ, không làm việc. Ba là quá lạnh, không làm việc. Bốn là quá nóng, không làm việc. Năm là quá no, không làm việc. Sáu là quá đói, không làm việc. Nay con nhà Cư sĩ, người lười biếng không phải lúc thì việc làm không kinh doanh được. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ này:

*Bài bạc, đuổi theo sắc,
Nghiện rượu, thích đánh nhạc,
Gần gũi ác tri thức,
Lười biếng không làm việc,
Buông lung không giữ mình;
Những thứ ấy hại người.
Tới lui không giữ gìn,
Tà dâm, lấy vợ người,
Trong tâm thường kết oán,
Cầu nguyện không có lợi,
Uống rượu, nhớ nữ sắc;
Những thứ ấy hại người.
Nặng nề các việc ác,
Ngoan cố không nghe lời,
Chửi Sa-môn, Phạm chí,
Điên đảo có tà kiến,
Hung bạo làm nghiệp đen,
Những thứ ấy hại người.
Thiếu thốn không của cải,
Uống rượu, mất áo quần,
Mang nợ, như chìm suối,
Kẻ ấy phá họ hàng;
Thường đi đến lò rượu,
Gần gũi bằng hữu xấu,
Muốn được của không được,
Lấy bạn bè làm vui.
Có nhiều bạn hữu ác,*

Thường theo bạn không lành,
 Đời nay và đời sau,
 Hai đời đều bại hoại.
 Người làm ác giảm lần;
 Làm lành lần hưng thanh.
 Tập thù thắng càng tăng.
 Cho nên phải tập thắng;
 Tập thắng thì được thắng;
 Thường theo trí tuệ thắng.
 Càng được giới thanh tịnh,
 Càng an vui vi diệu.
 Ngày thì ưa ngủ nghỉ,
 Đêm lại thích rong chơi;
 Buông lung, thường uống rượu;
 Ở nhà không yên được.
 Quá lạnh và quá nóng,
 Đầu lười biếng không làm;
 Rốt cuộc không sự nghiệp,
 Không kiếm ra tài vật.
 Hoặc lạnh và quá nóng,
 Bất kể, như ngọn cỏ.
 Siêng làm việc như vậy,
 Suốt đời đều an vui.

“Này con nhà Cư sĩ, có bốn hạng người không thân cận, tuồng như thân cận¹⁸. Bốn hạng người đó là gì? Một là biết việc¹⁹, thì chẳng phải thân cận in tuồng thân cận. Hai là trước mặt nói lời dịu ngọt²⁰, thì chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Ba là lời nói²¹ thì chẳng thân cận in tuồng như thân cận. Bốn là bạn đưa đến chỗ ác thì chẳng

^{18.} Pāli: amittā mittā-pitirūpakā, không phải bạn mà có vẻ bạn.

^{19.} Hán: tri sự 知事。No.1(16) úy phục. Pāli: aññadatthu-haro, hạng người vật gì cũng lấy. Hình như, trong bản Hán, aññad (khác) được hiểu là aññā(d) (biết); atthu, động từ khả năng cách: mong nó là; được hiểu là attha: sự việc.

^{20.} Pāli: anuppiya-bhāṇī, nói ngọt, tức nịnh hót.

^{21.} Hán: ngôn ngữ 言語, không rõ ý. Pāli: vacī-paramo, nói giỏi.

thân cận in tuồng như thân cận.

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn trường hợp nên người biết việc dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp ấy là gì? Một là do biết việc mà đoạt của. Hai là cho ít lấy nhiều. Ba là hoặc vì sợ mà làm. Bốn là hoặc vì lợi mà hùa theo.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Người lấy biết làm việc,
Nói năng rất êm dịu,
Sợ, vì lợi hùa theo,
Biết chẳng thân, tuồng thân.
Nên xa lìa kẻ ấy
Như đường có hiểm họa.*

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn trường hợp, trước mặt nói lời dịu ngọt, dù chẳng thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là bày ra những việc hay đẹp. Hai là xúi làm các việc ác. Ba là trước mặt ngợi khen. Bốn là sau lưng nói việc xấu.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Nếu đặt chuyện hay ho,
Xúi làm ác bất thiện,
Đối mặt thì ngợi khen,
Sau lưng lại nói xấu;
Nếu biết hay và ác,
Và biết hai lỗi nói,
Dù thân, không nên thân;
Biết người ấy như vậy,
Nên xa lìa kẻ ấy;
Như đường có hiểm họa.*

“Này con nhà Cư sĩ, có bốn trường hợp, ngôn ngữ dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là chấp nhận việc đã qua. Hai là bàn bạc việc ngày mai²². Ba là đối trả không

²². Một và hai, No.1(14): việc trước đối trả; việc sau đối trả. Pāli: atītena paṭisamtharati anāgatena paṭisamtharati, hoan nghinh bằng việc quá khứ.. bằng việc vị lai.

nói thật. Bốn là việc hiện tại thì hỏng; nhận nói rằng ‘tôi sẽ làm’ nhưng không làm.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Nhận việc qua, chưa đến;
Bàn suông, việc nay hỏng;
Nói làm, nhưng không làm;
Biết chẳng thân như thân;
Nên xa lìa kẻ ấy
Như đường có hiểm họa.*

“Này con nhà Cư sĩ, có bốn trường hợp bạn dẫn đến chỗ ác, dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là xúi các việc bài bạc. Hai là xúi đi rong chơi không phải thời. Ba là xúi uống rượu. Bốn là xúi thân cận kẻ ác.”

Rồi thì Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Xúi đủ thứ bài bạc
Uống rượu, lấy vợ người;
Thói thấp, không vươn lên;
Nó diệt như trăng tàn.
Nên xa lìa kẻ ấy
Như đường có hiểm họa.*

“Này con nhà Cư sĩ, nên biết, có bốn hạng bạn lành²³. Những gì là bốn? Một là cùng chịu khổ vui, nên biết đó là bạn lành. Hai là thương tuồng, nên biết đó là bạn lành. Ba là khuyên điều lợi, nên biết đó là bạn lành. Bốn là giúp đỡ, nên biết đó là bạn lành.

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà cùng khổ cùng vui. Bốn trường hợp đó là gì? Một là quên mình, vì bạn. Hai là quên tài sản vì bạn. Ba là quên vợ con vì bạn. Bốn là biết nghe lời.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Xả dục, tài, vợ, con,
Lời nói hay kham nhẫn;
Biết thân cùng khổ vui,
Kẻ trí nên làm thân.*

²³. Hán: *thiện thân* 善 親。 Pāli: mittā suhadā, bạn tâm giao.

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà thương tưởng, nên biết là bạn lành. Những gì là bốn? Một là dạy cho diệu pháp²⁴. Hai là ngăn cấm ác pháp. Ba là khen ngợi trước mặt. Bốn là khước từ oán gia²⁵.

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Dạy lành, cản việc ác,
Khen trước mặt, tránh thù;
Biết bạn lành thương tưởng,
Kẻ trí nên làm thân.*

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà cầu lợi²⁶, nên biết là bạn ành. Những gì là bốn? Một là bộc lộ việc kín ra. Hai là không che giấu việc kín. Ba là được lợi nên vui mừng. Bốn là không được lợi, không buồn.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Việc mật, bày không giấu;
Lợi vui; không, chẳng buồn.
Biết bạn lành cầu lợi,
Kẻ trí nên thường thân.*

“Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà giúp đỡ, nên biết bạn lành. Những gì là bốn? Một là biết bạn hết của cải. Hai là biết của cải hết, liền cùng cấp vật. Ba là thấy buông lung nên khuyên ngăn. Bốn là thường thương tưởng.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Biết của hết, cho thêm;
Buông lung khuyên; thương tưởng.
Biết bạn lành giúp đỡ,
Kẻ trí nên làm quen.*

“Này con nhà Cư sĩ, trong pháp luật của bậc Thánh, có sáu phương: Đông, Nam, Tây, Bắc, Trên, Dưới.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như đối với phương Đông, con đối với cha mẹ cũng vậy. Người con phải có năm điều thờ kính, phụng dưỡng

²⁴. Tức pháp thiện.

²⁵. Ba và bốn, bản Pāli: khuyên người nói tốt bạn; ngăn người nói xấu bạn.

²⁶. Tức mong điều lợi cho bạn. Pāli: athakkhayī.

cha mẹ. Năm điều đó là gì? Một là tăng thêm của cải. Hai là cảng đáng mọi việc. Ba là dâng lên cha mẹ những gì người muốn. Bốn là không tự tác, không trái ý. Năm là tất cả vật riêng của mình đều dâng hết cha mẹ. Người con làm năm việc như trên để phụng dưỡng, thờ kính cha mẹ.

“Cha mẹ cũng lấy năm việc để chăm sóc các con. Năm việc đó là gì? Một là thương yêu con cái. Hai là cung cấp không thiếu. Ba là khiến con không mang nợ. Bốn là gả cưới xứng đáng. Năm là cha mẹ có của cải vừa ý đều giao hết cho con. Cha mẹ bằng năm điều ấy mà chăm sóc các con.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Đông có hai trường hợp phân biệt. Ngày con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Đông là giữa con và cha mẹ. Ngày con nhà Cư sĩ, nếu người từ hiếu với cha mẹ, chắc chắn có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Đông, phương Nam có hai trường hợp phân biệt.

“Học trò đối với thầy nên biết năm điều thờ kính, phụng dưỡng thầy. Năm điều đó là gì? Một là khéo cung kính vâng lời. Hai là khéo giúp đỡ, hầu hạ. Ba là hăng hái. Bốn là nghề nghiệp giỏi. Năm là hay thờ kính thầy. Đệ tử lấy năm điều ấy cung kính, phụng dưỡng Sư trưởng.

“Sư trưởng cũng dùng năm việc săn sóc đệ tử. Năm việc đó là gì? Một là dạy cho nêu nghề. Hai là dạy dỗ nhanh chóng. Ba là dạy hết những điều mình biết. Bốn là đặt để ở những chỗ lành. Năm là gửi gắm bậc thiện tri thức. Sư trưởng lấy năm điều ấy mà săn sóc đệ tử.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Nam có hai trường hợp phân biệt. Ngày con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Nam là giữa học trò và thầy. Ngày con nhà Cư sĩ, nếu người từ thuận đổi với Sư trưởng, chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

“Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Tây, người chồng đổi với vợ cũng vậy. Người chồng nên lấy năm việc mà yêu thương, cấp dưỡng vợ. Năm việc đó là gì? Một là thương yêu vợ. Hai là không khinh rẻ. Ba là sắm các thứ chuỗi ngọc, đồ trang điểm. Bốn là ở trong

nàng để vợ được tự do. Năm là xem vợ như chính mình. Người chồng lấy năm việc để thương yêu, cắp dutherford vợ.

“Người vợ phải lấy mười ba điều²⁷ khéo léo kính thuận chồng. Mười ba điều ấy là gì? Một là thương yêu kính trọng chồng. Hai là cung phụng, kính trọng chồng. Ba là nhớ nghĩ đến chồng. Bốn là trông nom các công việc. Năm là khéo tiếp đãi bà con. Sáu là trước mặt đưa mắt hầu đợi. Bảy là sau lưng thì cử chỉ yêu thương. Tám là lời nói thành thật. Chín là không khóa kín cửa phòng. Mười là thấy đến thì ca ngợi. Mười một là trải sẵn giường mà đợi. Mười hai là bày dọn đồ ăn uống ngon lành, sạch sẽ, dồi dào. Mười ba là cúng dường Sa-môn, Phạm chí. Người vợ lấy mười ba việc ấy để khéo léo kính trọng chồng.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Tây có hai trường hợp phân biệt. Ngày con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Tây là giữa vợ với chồng. Ngày con nhà Cư sĩ, nếu người từ mãn với vợ, chắc có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

“Ngày con nhà Cư sĩ, cũng như phương Bắc, chủ nhà đối với tôi tớ cũng như vậy²⁸. Người chủ nhà nên lấy năm điều thương mến chu cấp cho tôi tớ. Năm điều ấy là gì? Một là tùy sức mà sai làm việc. Hai là tùy lúc mà cho ăn. Ba là tùy lúc cho uống. Bốn là hết ngày thì cho nghỉ. Năm là bệnh hoạn cho thuốc thang. Chủ nhà lấy năm việc trên mà thương xót cung cấp cho tôi tớ.

“Tôi tớ cũng nên lấy chín điều²⁹ mà phụng sự chủ nhà. Chín điều ấy là gì? Một là tùy thời mà làm việc. Hai là chuyên tâm vào công việc. Ba là làm tất cả việc. Bốn là trước mặt thì đưa mắt hầu đợi. Năm là sau lưng thì thương kính mà làm. Sáu là nói lời thành thật. Bảy là khi chủ hoạn nạn thì không bỏ đi. Tám là đi phương xa thì nên khen ngợi chủ. Chín là khen chủ nhà là dễ dãi. Tôi tớ lấy chín điều ấy khéo léo phụng sự chủ nhà.

“Ngày con nhà Cư sĩ, như vậy phương Bắc có hai trường hợp phân biệt. Ngày con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Bắc là

²⁷. No.1(16) và Pāli, chỉ có năm.

²⁸. Pāli: quan hệ bằng hữu ở phương Bắc, quan hệ chủ tớ ở phương dưới.

²⁹. No.1(16) có năm.

giữa chủ nhà và tôi tớ. Nay con nhà Cư sĩ, nếu có người thương xót tôi tớ, chấn chấn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

“Nay con nhà Cư sĩ, cũng như phương Dưới, bằng hữu đối với bằng hữu³⁰ cũng vậy. Thân hữu nên lấy năm việc để ái kính cung cấp thân hữu. Năm việc ấy là gì? Một là ái kính. Hai là không khinh mạn. Ba là không đối gạt. Bốn là cho tặng đồ quý. Năm là tìm cách giúp đỡ. Thân hữu lấy năm việc trên để ái kính, cung cấp thân hữu.

“Thân hữu này³¹ cũng lấy năm việc để nhớ nghĩ đến thân hữu. Năm việc đó là gì? Một là biết của cải hết. Hai là khi biết của cải hết thì cung cấp của cải. Ba là thấy buông lung thì khuyên răn. Bốn là thương nhở. Năm là gấp hoạn nạn thì cho nương tựa. Thân hữu lấy năm việc ấy để nhớ nghĩ đến thân hữu.

“Nay con nhà Cư sĩ, như vậy, phương Dưới có hai trường hợp phân biệt. Nay con nhà Cư sĩ, trong pháp luật của bậc Thánh là thân hữu đối với thân hữu vậy. Nay con nhà Cư sĩ, nếu người thương xót thân hữu, chắc chắn có sự tăng ích chứ không phải có sự suy hao.

“Nay con nhà Cư sĩ, cũng như phương Trên, thí chủ đối với Sa-môn, Phạm chí cũng vậy. Thí chủ nên lấy năm điều để tôn kính, cúng dường Sa-môn, Phạm chí. Năm điều đó là gì? Một là không đóng kín cửa. Hai là thấy đến thì tán thán. Ba là trải giường mà đợi. Bốn là làm các món ăn uống ngon sạch, dồi dào, mà cúng. Năm là đúng như pháp mà hộ trì. Người thí chủ lấy năm điều trên cung kính cúng dường Sa-môn, Phạm chí.

“Sa-môn, Phạm chí cũng lấy năm việc để khéo nhớ nghĩ đến thí chủ. Năm việc ấy là gì? Một là dạy cho có tín, hành tín và niêm tín. Hai là dạy các giới cấm. Ba là dạy nghe rộng. Bốn là dạy bố thí. Năm là dạy cho có tuệ, hành tuệ và lập tuệ. Sa-môn, Phạm chí lấy năm việc ấy để nhớ nghĩ đến thí chủ.

³⁰. Nguyên Hán: *thân hữu quán thân hữu thần* 親友觀。Ý muốn phân biệt người bạn này đối với người bạn kia, rồi người kia đối lại. Pāli nói rõ hơn: một thiện nam tử đối với bạn hữu, *kula-puttena* (...) *mittāmacca* (...) và ngược lại. Hán: *thân hữu thần*, Pāli: *mittāmacca*, trong đó, *amacca* có nghĩa bằng hữu, cũng có nghĩa người phụ tá hay thần thuộc (*mahāmacca*: quan đại thần).

³¹. *Thân hữu thần*: xem chú thích trên.

“Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Trên có hai trường hợp phân biệt. Ngày con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương trên là giữa thí chủ và Sa-môn, Phạm chí. Ngày con nhà Cư sĩ, nếu người nào tôn kính cúng dường Sa-môn, Phạm chí thì chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

“Ngày con nhà Cư sĩ, có bốn nghiệp sự³². Bốn việc ấy là gì? Một là huệ thí. Hai là lời nói khả ái. Ba là làm lợi cho người. Bốn là có lợi cùng chia³³.”

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Huệ thí và ái ngôn,
Thường vì người lợi hành,
Với tất cả đồng sự,
Khắp nơi đều vang danh.
Sự này duy trì đời
Cũng như người đánh xe.
Nghiệp sự này vắng mặt,
Mẹ không nhân bởi con
Mà được kính phụng dưỡng.
Con đổi cha cũng vậy.
Nếu có nghiệp sự này,
Phước hưu thật to lớn;
Chiếu soi như ánh nhật,
Tiếng tốt truyền đi nhanh.
Thông minh, không nói cộc
Như vậy, làm nên danh
Định vững, không cao ngạo;
Tiếng loan truyền đi nhanh
Thành tựu tín và giới³⁴,
Như vậy làm nên danh.
Hăng hái, không giải đãi;*

³². Nghiệp sự 攝事, tức bốn nghiệp pháp.

³³. *Huệ thí, ái ngữ, hành lợi, đẳng lợi.* Thuật ngữ thông dụng của các kinh Đại thừa: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

³⁴. Thi lại 戀, phiên âm, Pāli: sīla.

Thường cho người uống ăn;
 Dìu dắt vào nẻo chánh;
 Như vậy làm nên danh.
 Bạn bè cùng lân tuất,
 Ái lạc có giới hạn;
 Giữa người thân, nghiệp sự
 Thủ diệu như sư tử.
 Học nghề, học buổi đầu,
 Kiếm lợi, kiếm sau đó.
 Sản nghiệp đã dựng thành,
 Phân chia làm bốn phần.
 Phần cung cấp ẩm thực;
 Phần điền giả nông canh;
 Phần kho tàng chất chứa,
 Phòng khi hữu sự cần;
 Gom nông tang, thương cổ,
 Thu xuất, lợi một phần.
 Thứ năm để cưới vợ;
 Thứ sáu làm nhà cửa.
 Tại gia sáu sự này,
 Hưng thịnh, sống khoái lạc.
 Tiền tài sẵn càng đầy,
 Như nước xuôi biển cả.
 Đời mưu sinh như vầy,
 Như ong hút nhụy hoa;
 Đời mưu sinh lâu dài,
 Sống an lạc hưởng thọ.
 Xuất tiền, không xuất xa;
 Không tản mác tung ra.
 Không thể đem tài vật
 Cho hung bạo, ngoan tà.
 Phương Đông là cha mẹ;
 Phương Nam là tôn sư;
 Phương Tây là thê tử;
 Phương Bắc là nô tỳ;

*Phương Dưới bằng và hữu;
Phương Trên bậc tịnh tu;
Nguyễn lẽ các phương ấy,
Phước đời này đời sau.
Do lẽ các phương ấy,
Thí chủ sanh trời cao.*

Phật thuyết như vậy. Thiện Sanh con trai Cư sĩ sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



136. KINH THƯƠNG NHÂN CẦU TÀI¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vê, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo²:

“Thuở xưa, tại châu Diêm-phù, có một số đông thương nhân cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn. Họ suy nghĩ như vầy: ‘Chúng ta hãy đồng một chiếc thuyền đi biển³ mà vào biển lớn, tìm kiếm tài bảo mang về cung cấp những chi dụng trong gia đình.’

“Họ lại suy nghĩ rằng: ‘Này các bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy mỗi người trong chúng ta nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức là gồm túi bìng da dê đen⁴, trái bầu lớn và mõng bè.’

“Sau đó mỗi người trong bọn họ đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bìng da dê đen, trái bầu lớn và mõng bè rồi đi vào biển cả.

¹. Bản Hán, quyển 34. Tương đương Pāli, JĀ.196 Valāhassa (Vân mā). Biệt dịch, No.125 (45.1) Tăng Nhất Phẩm 45 Kinh 1. Tham chiếu, No.190 Phật Bản Hạnh Tập Kinh, Tùy, Xà-na-quật-đa dịch (Đại 3, tr.883b); No.152 Lục Độ Tập Kinh, Khang Tăng Hội dịch (Đại 3 tr.19c, 33b).

². No.125 (45.1) bắt đầu với sự kiện: một người Bà-la-môn mang một người con gái dâng cho Phật, Đức Phật khước từ. Một vị trưởng lão Tỳ-kheo cố gắng thuyết phục Phật chấp nhận. Do đó Ngài nói câu chuyện tiền thân này.

³. Hán: *hai trang thuyền* 海裝船。

⁴. Hán: *cổ dương* 犀羊。

“Khi họ đi vào biển cả, vua cá là Ma-kiệt⁵ phá vỡ chiếc thuyền ấy. Các thương nhân này mỗi người đều tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay mõng bè, rồi trôi đi về các phía.

“Lúc bấy giờ, từ phía Đông cửa biển ngọn gió lớn trỗi dậy, thổi các thương nhân tấp vào bờ biển Tây. Nơi ấy, họ gặp một bọn con gái rất mỹ lệ, đoan chính, trang sức thân thể bằng tất cả các loại trang sức. Bọn con gái ấy thấy rồi, bèn nói:

“Xin kính chào các bạn! Xin đón mừng các bạn. Nơi đây là chỗ rất diệu hǎo, cực kỳ khoái lạc. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi và nằm, nào là rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, xích thạch, toàn châu; tất cả đều dành cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các thương nhân châu Diêm-phù không đi về phương Nam, dù trong chiêm bao.

“Bọn thương nhân ấy đều cùng với những người đàn bà này vui chơi hoan lạc. Rồi bọn thương nhân ấy vì cùng với những người đàn bà này hiệp hội mà sanh ra con trai hoặc con gái.

“Về sau, châu Diêm-phù có một thương nhân có trí tuệ, sống cô độc tại một nơi thanh vắng mà nghĩ rằng: ‘Vì lý do gì bọn đàn bà này ngăn cản chúng ta không cho đi về phương Nam? Chúng ta nên canh chừng người đàn bà sống chung; khi biết nó đã ngủ, ta lặng lẽ chỗi dậy, rồi lén đi về phương Nam’.

“Thương nhân trí tuệ ở châu Diêm-phù ấy sau đó canh chừng người đàn bà sống chung. Khi biết nó đã ngủ, bèn lặng lẽ chỗi dậy, rồi lén đi về phương Nam. Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù ấy khi đi về phương Nam, từ xa nghe có tiếng kêu réo vang dậy, tiếng nhiều người la khóc áo não, hoặc kêu gọi cha mẹ, hoặc réo vợ réo con và nhớ thương bạn bè thân thích, rằng ‘Châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn khoái lạc, không còn thấy nữa’. Thương nhân này rất sợ hãi, lông tóc

^{5.} *Ma-kiệt ngư vương* 摩竭魚王, hay nói là *Ma-già-dà ngư vương* 摩伽陀魚王 dịch là cá kình (*Phiên Phận Ngữ 7*), hoặc *cự ngao* (*Tuệ Uyển Âm Nghĩa, hạ*). Pāli: makara, một loại cá voi trong huyền thoại.

dụng ngược, nghĩ rằng: ‘Mong cho loài người và loài phi nhân không quấy rầy ta.’

“Rồi một thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù tự cầm chép sự sờ hãi, tiếp tục đi lần về phương Nam. Một thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù kia khi đi lần về phương Nam bỗng thấy có một tòa đại thiết thành. Sau khi thấy bèn tìm khắp nhưng không thấy cửa, cho đến một chỗ đủ để con mèo chui ra cũng không. Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù ấy thấy phía Bắc của thiết thành có một lùm cây to lớn sum suê bèn đi đến lùm cây đại thọ ấy, chậm chạp leo lên cao. Leo lên rồi, hỏi đám đông:

“‘Này các bạn, các bạn vì cớ gì khóc la áo nã, kêu cha gọi mẹ, réo vợ réo con, nhớ thương bạn bè thân thích rằng châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn khoái lạc không còn thấy nữa?’

“Khi ấy đám đông đáp:

“‘Này bạn, chúng tôi là thương nhân ở châu Diêm-phù, đều cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn rồi nghĩ rằng ‘Chúng ta hãy dong một chiếc thuyền đi biển mà vào biển lớn tìm kiếm tài bảo mang về cung cấp những chi dụng trong gia đình’. Nay bạn, chúng tôi lại nghĩ rằng ‘Này các bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy mỗi người trong chúng ta hãy nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức là gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mững bè’. Nay bạn, sau đó chúng tôi mỗi người đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mững bè rồi đi vào biển cả. Khi chúng tôi ở giữa biển, ngư vương Ma-kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Nay bạn, bọn thương nhân chúng tôi mỗi người tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay mững bè rồi trôi đi về các phía. Lúc bấy giờ, từ phía Đông bờ biển, ngọn gió lớn trỗi dậy thổi bọn thương nhân chúng tôi tấp vào bờ bể phía Tây. Nơi ấy gặp một bọn con gái rất mỹ lệ, đoan chính, trang sức thân thể bằng tất cả các loại trang sức. Bọn con gái ấy thấy rồi bèn nói rằng ‘Xin kính chào các bạn. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc; nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi, nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, vàng bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu; tất cả đều dành

dựng ngược, nghĩ rằng: ‘Mong cho loài người và loài phi nhân không quấy rầy ta.’

“Rồi một thương nhân trí tuệ, chầu Diêm-phù tự kềm chế sự sợ hãi, tiếp tục đi lần về phương Nam. Một thương nhân trí tuệ chầu Diêm-phù kia khi đi lần về phương Nam bỗng thấy có một tòa đại thiết thành. Sau khi thấy bèn tìm khắp nhưng không thấy cửa, cho đến một chỗ đủ để con mèo chui ra cũng không. Thương nhân trí tuệ chầu Diêm-phù ấy thấy phía Bắc của thiết thành có một lùm cây to lớn sum suê bèn đi đến lùm cây đại thụ ấy, chậm chạp leo lên cao. Leo lên rồi, hỏi đám đông:

“Này các bạn, các bạn vì cớ gì khóc la áo náo, kêu cha gọi mẹ, réo vợ réo con, nhớ thương bạn bè thân thích rằng chầu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn khoái lạc không còn thấy nữa?”

“Khi ấy đám đông đáp:

“Này bạn, chúng tôi là thương nhân ở chầu Diêm-phù, đều cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn rồi nghĩ rằng ‘Chúng ta hãy dong một chiếc thuyền đi biển mà vào biển lớn tìm kiếm tài bảo mang về cung cấp những chi dụng trong gia đình’. Ngày bạn, chúng tôi lại nghĩ rằng ‘Này các bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy mỗi người trong chúng ta hãy nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức là gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và măng bè’. Ngày bạn, sau đó chúng tôi mỗi người đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và măng bè rồi đi vào biển cả. Khi chúng tôi ở giữa biển, ngư vương Ma-kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Ngày bạn, bọn thương nhân chúng tôi mỗi người tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay măng bè rồi trôi đi về các phía. Lúc bấy giờ, từ phía Đông bờ biển, ngọn gió lớn trỗi dậy thổi bọn thương nhân chúng tôi tấp vào bờ bể phía Tây. Nơi ấy gặp một bọn con gái, rất mỹ lệ, đoan chính, trang sức thân thể bằng tất cả các loại trang sức. Bọn con gái ấy thấy rồi bèn nói rằng ‘Xin kính chào các bạn. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc; nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi, nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, vàng bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chon châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu; tất cả đều dành

cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các thương nhân châu Diêm-phù không đi về phương Nam, dù trong chiêm bao.' Ngày bạn, chúng tôi cùng với những người vợ này vui chơi hoan lạc. Chúng tôi nhân vì cùng với những người vợ này hiệp hội mà sanh ra con trai hoặc con gái. Ngày bạn, những người đàn bà ấy nếu không nghe châu Diêm-phù có bọn thương nhân khác ở giữa biển mà ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền thì họ cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Ngày bạn, những người đàn bà ấy nếu nghe châu Diêm-phù có bọn thương nhân khác ở giữa biển mà ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền, liền ăn thịt chúng tôi. Chúng tôi gặp phải sự bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn thừa tóc, lông, móng, răng thì bọn đàn bà ấy lấy ăn hết. Nếu khi ăn thịt người; có máu huyết nhỏ xuống đất, bọn đàn bà ấy liền lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Ngày bạn, nên biết, chúng tôi là những thương nhân ở châu Diêm-phù, trước kia có năm trăm người, trong số đó bị ăn thịt hết hai trăm năm mươi người, còn lại hai trăm năm mươi người, nay đều ở trong thiết thành lớn này. Ngày bạn, bạn chớ có tin lời của bọn đàn bà ấy. Chúng không phải thật là người, chính là quỷ La-sát vậy.'

"Bấy giờ thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù từ trên cây đại thụ thong thả leo xuống, trở ra đường cũ trở về chỗ sống chung với người đàn bà kia. Khi biết người đàn bà ấy còn ngủ say, ngay trong đêm đó, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù tức tốc trở lại chỗ ở của các thương nhân châu Diêm-phù, nói rằng:

"Các người hãy đến đây. Chúng ta hãy đến một nơi vắng vẻ, mỗi người đi một mình, chớ đem con cái theo. Hãy cùng nhau đến chỗ kín đáo, vì có điều cần bàn luận."

"Bọn thương nhân châu Diêm-phù cùng đi đến một nơi vắng vẻ, mỗi người đi một mình, không đem theo con cái. Khi ấy, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù nói:

"Các bạn thương nhân, khi tôi sống cô độc tại một nơi thanh vắng mà nghĩ rằng: 'Vì lý do gì bọn đàn bà này ngăn cản chúng ta không cho đi về phương Nam? Chúng ta nên canh chừng người đàn bà sống chung; khi biết nó đã ngủ, ta lặng lẽ chối dậy, rồi lén đi về phương Nam.'

"Rồi thì, tôi sau đó canh chừng người đàn bà sống chung. Khi

biết nó đã ngủ, bèn lặng lẽ chỗi dậy, rồi lén đi về phương Nam. Tôi khi đi về phương Nam, từ xa nghe có tiếng kêu réo vang dội, tiếng nhiều người la khóc áo nã, hoặc kêu gọi cha mẹ, hoặc réo vợ réo con và nhớ thương bạn bè thân thích, rằng ‘Châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn khoái lạc, không còn thấy nữa’. Tôi nghe thế rất sợ hãi, lông tóc dựng ngược, nghĩ rằng: ‘Mong cho loài người và loài phi nhân không quấy rầy ta.’

“Rồi tôi tự cầm chẽ sự sợ hãi, tiếp tục đi lần về phương Nam. Tôi khi đi lần về phương Nam bỗng thấy có một tòa đại thiết thành. Sau khi thấy bèn tìm khắp nhưng không thấy cửa, cho đến một chỗ đủ để con mèo chui ra cũng không. Tôi thấy phía Bắc của thiết thành có một lùm cây to lớn sum suê bèn đi đến lùm cây đại thụ ấy, chậm chạp leo lên cao. Leo lên rồi, hỏi đám đông rằng:

“–Này các bạn, các bạn vì cớ gì khóc la áo nã, kêu cha gọi mẹ, réo vợ réo con, nhớ thương bạn bè thân thích rằng châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn khoái lạc không còn thấy nữa?”

“Khi ấy đám đông đáp rằng ‘Này bạn, chúng tôi là thương nhân ở châu Diêm-phù, đều cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn rồi nghĩ rằng ‘Chúng ta hãy dong một chiếc thuyền đi biển mà vào biển lớn tìm kiếm tài bảo mang về cung cấp những chi dụng trong gia đình’. Nay bạn, chúng tôi lại nghĩ rằng ‘Này các bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy mỗi người trong chúng ta hãy nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức là gồm túi băng da dê đen, trái bầu lớn và măng bè’. Nay bạn, sau đó chúng tôi mỗi người đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi băng da dê đen, trái bầu lớn và măng bè rồi đi vào biển cả. Khi chúng tôi ở giữa biển, ngư vương Ma-kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Nay bạn, bọn thương nhân chúng tôi mỗi người tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi băng da dê đen, trái bầu lớn hay măng bè rồi trôi đi về các phía. Lúc bấy giờ, từ phía Đông bờ biển, ngọn gió lớn trỗi dậy thổi bọn thương nhân chúng tôi tấp vào bờ biển phía Tây. Nơi ấy gặp một bọn con gái rất mỹ lệ, đoan chính, trang sức thân thể bằng tất cả các loại trang sức. Bọn con gái ấy thấy rồi bèn nói rằng ‘Xin kính chào các bạn. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc; nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi, nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm

và lại có nhiều tiền tài, vàng bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cù, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu; tất cả đều dành cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các thương nhân châu Diêm-phù không đi về phương Nam, dù trong chiêm bao'. Nay bạn, chúng tôi cùng với những người vợ này vui chơi hoan lạc. Chúng tôi nhân vì cùng với những người vợ này hiệp hội mà sanh ra con trai hoặc con gái. Nay bạn, những người đàn bà ấy nếu không nghe châu Diêm-phù có bọn thương nhân khác ở giữa biển mà ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền thì họ cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Nay bạn, những người đàn bà ấy nếu nghe châu Diêm-phù có bọn thương nhân khác ở giữa biển mà ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền, liền ăn thịt chúng tôi. Chúng tôi gấp phải sự bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn thừa tóc, lông, móng, răng thì bọn đàn bà ấy lấy ăn hết. Nếu khi ăn thịt người, có máu huyết nhỏ xuống đất, bọn đàn bà ấy liền lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Nay bạn, nên biết, chúng tôi là những thương nhân ở châu Diêm-phù, trước kia có năm trăm người, trong số đó bị ăn thịt hết hai trăm năm mươi người, còn lại hai trăm năm mươi người, nay đều ở trong thiết thành lớn này. Nay bạn, bạn chờ có tin lời của bọn đàn bà ấy. Chúng không phải thật là người, chính là quỷ La-sát vậy'.

"Khi ấy, các thương nhân châu Diêm-phù hỏi thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù rằng:

"Này bạn, sao bạn không hỏi đám đông người kia như vậy 'Này các bạn, có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ nơi này an ổn về đến châu Diêm-phù?'

"Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù đáp:

"Này các bạn, khi ấy tôi quên không có hỏi như vậy.

"Rồi các thương nhân châu Diêm-phù nói rằng:

"Này bạn, bạn hãy trở về đến chỗ sống chung với người đàn bà ấy, rồi canh chừng khi nó đang ngủ hãy lặng lẽ chỗi dậy, rồi lén đi về phương Nam, lại đến chỗ đông người kia hỏi rằng 'Này các bạn, có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ đây mà an ổn về đến châu Diêm-phù?'

"Khi ấy, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù im lặng nhận lời các thương nhân.

“Lúc bấy giờ thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù trở lại chỗ sống chung với người đàn bà ấy, dò xét thấy nó đang ngủ bèn lặng lẽ chối dậy, rồi lén đi về phương Nam, lại đi đến chỗ đông người kia hỏi rằng:

“Này các bạn, có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ đây mà an ổn về đến châu Diêm-phù chăng?

“Đám đông kia đáp rằng: Ngày bạn, hoàn toàn không có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ đây mà an ổn về đến châu Diêm-phù. Ngày bạn, tôi đã nghĩ rằng ‘Chúng ta hãy đào phá vách tường này mà trở về chốn cũ’. Vừa nghĩ như thế, bức tường này lại cao gấp bội bình thường. Ngày bạn, thế là phương tiện này khiến chúng ta không thể từ đây mà an ổn về đến châu Diêm-phù được. Chúng ta hoàn toàn không có cách nào. Ngày bạn, chúng tôi nghe trên không trung nói rằng: Bạn thương nhân châu Diêm-phù ngu si bất định cũng không khéo hiểu biết. Vì sao? Vì không thể vào ngày mười lăm là ngày nói Tùng giải thoát giới mà đi về phương Nam. Nơi ấy có Mao mã vương⁶ ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn khoái lạc, các cǎn sung mãn, ba lần xuống lên rằng ‘Ai muốn qua bờ bên kia? Ai muốn nhờ ta được giải thoát? Ai muốn nhờ ta đưa từ đây đến châu Diêm-phù an ổn?’ Các người hãy đến Mao mã vương mà nói rằng ‘Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi! Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn về đến châu Diêm-phù’ Ngày bạn, đó là phương tiện khiến các người từ đây an ổn mà về đến châu Diêm-phù. Ngày thương nhân, hãy đến chỗ Mao mã vương kia mà nói rằng ‘Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi. Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn trở về châu Diêm-phù’.

“Khi ấy, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù nói:

“Này các thương nhân, mong sao⁷ tới lúc đi đến chỗ Mao mã vương mà nói: ‘Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi. Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn trở về châu Diêm-phù’. Các thương nhân tùy theo ý của chư Thiên. Ngày các thương nhân, nếu như vào ngày mười lăm là ngày thuyết Tùng giải thoát, Mao mã

⁶. Mao mã vương 駒馬王。Pāli: valāhassa (vân mã), giống ngựa lông dài có thể lướt mây bay đi.

⁷. Bản Nguyên: linh 令; các bản khác: kim 今。

vương ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn khoái lạc, các căn sung mãn, ba lần xuống lén rằng ‘Ai muốn được đưa qua bờ bên kia? Ai muốn nhờ ta được giải thoát? Ai muốn nhờ ta đưa từ đây an ổn về tới châu Diêm-phù?’ Bấy giờ chúng ta hãy đến chỗ kia mà nói rằng ‘Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia? Mong giải thoát chúng tôi. Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn về tới châu Diêm-phù’.

“Khi ấy, Mao mã vương, vào ngày mười lăm kể đó, là ngày thuyết Tùng giải thoát, ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn khoái lạc, các căn sung mãn ba lần xuống lén rằng:

“Ai muốn được đưa qua bờ bên kia? Ai muốn nhờ ta được giải thoát? Ai muốn nhờ ta đưa từ đây an ổn về tới châu Diêm-phù?

“Khi những thương nhân châu Diêm-phù nghe xong, liền đi đến chỗ của Mao mã vương nói:

“Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia! Mong giải thoát chúng tôi! Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn về đến châu Diêm-phù!

“Bấy giờ Mao mã vương nói: Nay các thương nhân, các đàn bà kia sẽ bồng con cùng nhau đến đây mà nói rằng ‘Này các bạn, xin mời các bạn trở về đây. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền của như kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu; tất cả dành cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Giả sử không cần đến chúng tôi thì nên thương nǎghĩ đến con trέ’. Nếu các thương nhân kia nghĩ rằng ‘Ta có con trai, con gái. Ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu...’ thì họ dù có cõi trên lưng ta, chắc sẽ bị ngã lộn xuống, rồi rơi xuống nước và sẽ bị bọn đàn bà ăn thịt, sẽ gặp sự bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn sót tóc, lông, móng, răng thì bọn họ sẽ lấy ăn hết. Lại nữa, nếu khi ăn có máu huyết nhỏ xuống đất, bọn đàn bà lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Nếu các thương nhân kia không nghĩ rằng ‘Ta có con trai, con gái. Ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ um tùm và lại có nhiều tiền tài,

kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cù, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu...' thì họ dù chỉ nấm một sợi lông trong thân ta, chắc sẽ được an ổn về đến châu Diêm-phù."

"Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Bạn đàn bà kia bồng con đến mà nói rằng 'Này các bạn, xin mời các bạn trở về đây. Nơi đây là chốn cực lạc, rất là diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cổ um tùm và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cù, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu...' tất cả dành cho các bạn, hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc'. Nếu thương nhân kia nghĩ rằng 'Ta có con trai, con gái. Ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cổ um tùm và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cù, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu...' thì họ dù cõi trên chỗ cao nhất nơi lưng của Mao mã vương, chắc chắn sẽ bị ngã lộn xuống, rơi xuống nước, liền bị bọn đàn bà ăn thịt, sẽ gấp bước đường rất là bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn sót tóc, lông, móng, răng thì bọn họ sẽ lấy ăn hết. Lại nữa, nếu khi ăn có máu huyết nhỏ xuống đất, bọn đàn bà ấy liền lấy móng tay đào xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Nếu các thương nhân kia không nghĩ rằng 'Ta có con trai, con gái. Ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo. Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cổ um tùm và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma ni, chơn châu, bích ngọc, bạch kha, xa cù, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, toàn châu...' thì họ dù chỉ một sợi lông nơi thân Mao mã vương, chắc chắn được an ổn về đến châu Diêm-phù.

"Này các Tỳ-kheo, Ta nói ví dụ này là muốn cho biết nghĩa. Ví dụ ấy là nói nghĩa này:

"Pháp của Ta được thuyết giảng khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn không trống, không khuyết, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời, người.

"Pháp của Ta được khéo giảng thuyết như vậy, phơi bày sâu rộng như vậy, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như vậy, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả

trời người, đối với pháp ấy, nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng ‘Con mắt là ta; ta sở hữu con mắt. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý là ta; ta sở hữu ý’; Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại, giống như bọn thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

“Pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo, phơi bày sâu rộng như vậy, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như vậy, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng ‘Mắt không phải là ta. Ta không sở hữu con mắt. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý không phải là ta. Ta không sở hữu con mắt’; Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn. Ví như thương nhân cõi trên Mao mã vương an ổn mà giải thoát nạn.

“Pháp của Ta khéo nói, khéo giảng thuyết như vậy, phơi bày sâu rộng như vậy, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết như vậy, cũng như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: ‘Sắc là ta. Ta sở hữu sắc. Thanh, hương, vị, xúc và pháp là ta. Ta sở hữu pháp’; Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại, giống như bọn thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu các Tỳ-kheo nào nghĩ rằng ‘Sắc không phải là ta. Ta không sở hữu sắc. Thanh, hương, vị, xúc và pháp không là ta. Ta không sở hữu pháp’; Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn, giống như thương nhân kia cõi trên Mao mã vương mà an ổn được thoát nạn.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng ‘Sắc ấm là ta. Ta sở hữu sắc ấm. Thọ, tưởng, hành, và thức ấm là ta. Ta sở hữu thức ấm’; Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại, giống như thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng ‘Sắc ấm không là ta. Ta không sở hữu sắc ấm. Thọ, tưởng, hành, và thức ấm không là ta. Ta không sở hữu thức ấm’; Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn, giống như thương nhân cõi trên Mao mã vương mà an ổn thoát nạn.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không

trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng ‘Đất là ta. Ta sở hữu đất. Cho đến nước, lửa, gió, không và thức⁸ là ta. Ta sở hữu thức’, vị Tỳ-kheo kia chắc chắn bị hại, giống như thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt.

“Pháp của Ta khéo nói, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết, ví như chiếc cầu nổi, được lưu bố cùng khắp đến cả trời người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ rằng ‘Đất là không ta. Ta không sở hữu đất. Cho đến nước, lửa, gió, không và thức không là ta. Ta không sở hữu thức’; vị Tỳ-kheo kia chắc chắn được an ổn, giống như thương nhân nhờ ngồi trên lưng Mao mã vương đưa đến chỗ an lành.”

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng:

*Phật thuyết Chánh pháp luật;
Nếu có kẻ không tin,
Người ấy chắc bị hại
Như bị La-sát thịt.*

*Phật thuyết Chánh pháp luật;
Nếu có kẻ kính tin,
Người ấy được an ổn,
Như nương Mao mã vương.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



⁸. Bốn đại chúng, cùng với hư không và thức, được kể là sáu giới (dhātu).

137. KINH THẾ GIAN¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Như Lai đã tự mình giác ngộ về thế gian và cũng nói lại cho người khác. Như Lai biết² thế gian. Như Lai tự giác ngộ về sự tập khởi của thế gian và cũng nói lại cho người khác. Như Lai đoạn trừ thế gian tập. Như Lai tự giác ngộ sự diệt tận của thế gian và cũng nói cho người khác. Như Lai chứng ngộ thế gian diệt. Như Lai tự giác ngộ đạo tích³ của thế gian và cũng nói cho người khác. Như Lai tu thế gian đạo tích.

“Nếu có tất cả những gì cần được hiểu biết một cách toàn diện⁴, tất cả những gì điều đó Như Lai đã biết, thấy, giác, ngộ, chứng đắc. Vì sao vậy? Như Lai từ đêm chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng chánh giác cho đến ngày hôm nay vào lúc ban đêm sẽ đi vào tịch diệt trong Vô dư Niết-bàn giới⁵; trong khoảng thời gian giữa đó, nếu những gì được nói

¹. Tương đương Pāli A.4.23 Loka-sutta; tham chiếu It. 112 Loka.

². Bốn Thánh đế, tri khổ, đoạn tập, chứng diệt và tu đạo.

³. Đạo tích 道 跡: Pāli: paṭipāda, phương pháp, hay đường lối thực hành.

⁴. *Nhất thiết tận phổ chánh hữu* — 一切盡普正有 (?). Có lẽ là (...) *chánh tri*, thay vì *chánh hữu*. Tham chiếu Pāli: yam... sadevakassa lokassa... sadevamanussasāya dittham sutam mutam viññataṁ pattam pariyesitam anuvicaritaṁ manasā sabbam tam tathāgatena abhisam̄buddham, thế giới này bao gồm Thiên giới, cho đến, chư Thiên và nhân loại, những gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết đến, được đạt đến, được tầm cǎu, được suy xét bởi ý; tất cả những cái ấy đều được Như Lai giác ngộ.

⁵. Vô dư Niết-bàn giới 無 餘 涅槃 界。 Pāli: anupādisesā nibbānadhātu.

ra, được ứng đối từ chính miệng của Như Lai, tất cả những điều ấy đều là chắc thật, không hư vọng, không ra ngoài sự Như⁶, cũng không phải là điên đảo. Đó là sự chắc thật, là sự chân thật.

“Nếu nói về sự tử như thế nào, thì hãy nói về Như Lai cũng như vậy. Vì sao vậy? Như Lai ở giữa đại chúng nếu có giảng thuyết thì đó chính là tiếng rống của Sư tử⁷.

“Đối với tất cả thế gian, Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ trời đến người, Như Lai là Phạm Hữu⁸. Như Lai là Bậc Chí Lãnh⁹ vì không phiền cũng không nhiệt. Như Lai là Bậc Chân Thật không hư vọng¹⁰. ”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Biết tất cả thế gian;
Ra khỏi mọi thế gian;
Thuyết tất cả thế gian;
Trọn thế gian như thật¹¹
Đảng Tối Tôn Đại Hùng
Giải thoát mọi triền phược,
Diệt tận hết thảy nghiệp,
Sanh tử đều giải thoát.
Là trời cũng là người,
Thảy đều quy mạng Phật.
Cúi đầu lê Như Lai,
Đại dương sâu vô cực.*

⁶. *Bất ly ư như* 不離於如。 Pāli nói: sabbam tam tathēva hoti, no aññathā, tất cả những điều ấy chính thực là như vậy, không thể khác.

⁷. Pāli khác hẳn: nói như vậy thì cũng làm như vậy (...) cho nên gọi là Như Lai. Yathāvādī tathākānti (...) tathāgato vuccati.

⁸. Phạm Hữu 梵 有 được hiểu là “Bậc Tối Diệu” (Pāli: Brahmbhūta, S.IV. Pp-95, M.I. P.111), không được đề cập trong bản Pāli.

⁹. Chí lạnh hữu 至冷有, cực kỳ mát lạnh, vì đã dập tắt các thứ lửa. Pāli:?

¹⁰. Chân để bất hư hữu 眞諦不虛有, không rõ Pāli. Đoạn văn Pāli được coi tương đương: (...) Tathāgato abhibhū anabhibhūti aññadṛatthudasō vasavattī, Như Lai là Vị chiến thắng, Vị không thể bị đánh bại, là Vị thấy tất cả, biết tất cả, tự do tự tại.

¹¹. Pāli: sabham̄ loke yathātatham, (biết) tất cả thế gian một cách như thật.

*Chư Thiên, thần Hương âm¹²,
 Kính lạy Đấng Đã Biết.
 Chúng sanh trong tử sanh,
 Đều cùi đầu quy phục,
 Cùi đầu lễ Trí sĩ;
 Quy mạng Đấng Thượng Nhân;
 Không trân lụy, vô ưu,
 Vô ngại, các giải thoát;
 Vì vậy, hãy vui thiền,
 Sống viễn ly tịch tĩnh.
 Hãy tự mình đốt đèn,
 Vì Như Lai khó gấp¹³.
 Không gấp thời Như Lai,
 Đời sống trong địa ngục.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹². Hương âm thần 香 音 神, hay nhạc thần, hay Càn-thát-bà; Pāli: Gandhabba.

¹³. Vô ngã tất thất thời 無 我 必 失 時。

138. KINH PHƯỚC¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

“Đừng sợ hãi phước² mà hãy có ý niệm yêu thích. Vì sao vậy? Vì những gì được gọi là phước thì cũng nói là lạc. Sự sợ hãi đối với phước là không có ý niệm yêu thích. Vì sao vậy? Những gì là phi phước được nói là khổ.

“Ta nhớ lại trong thời quá khứ, lâu dài tác phước, lâu dài thọ báo mà ý niệm yêu thích. Thời quá khứ Ta hành từ tâm trong bảy năm mà trải qua bảy lần kiếp thành và kiếp hoại, không tái sanh trong thế gian này. Nếu thời kiếp hoại, Ta sanh lên cõi trời Hoảng dục³. Trong thời kiếp thành, Ta tái sanh trở xuống trong cung điện trống không của Phạm thiên và là Đại Phạm thiên trong cõi Phạm thiên đó.

“Trong những trường hợp khác, Ta trải qua một ngàn lần làm Tự Tại Thiên vương, ba mươi sáu lần làm Thiên Đế Thích và vô lượng lần làm vua Sát-lợi Đánh Sanh.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đánh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn được phủ những đồ cưỡi rất đẹp; dùng các báu bạch châu lạc⁴ trang sức, phủ lên voi chúa đầu đàn Vu-sa-hạ⁵.

1. Tham chiếu Pāli A.7.58 Pacala (ngủ gục), đoạn cuối.

2. Pāli: mā bhikkhave puññānam bhāyittha, sukkhass'etaṁ bhikkhave adhivacanam, yad idam puññaun ti, “đừng sợ phước; đồng nghĩa với lạc, đó là phước”.

3. Hoảng dục thiên tức Quang âm thiên hay Cực quang thiên; Pāli: Ābhassara.

4. Bạch châu lạc 白 珠 珞。

5. Vu-sa-hạ tương vương 于 婆 賀 象 王。 Pāli: Uposathanāgarāja.

“Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn con ngựa được phủ lên các thứ đồ cưỡi đẹp. Dùng các báu vàng, bạc, dao lắc để trang sức cho ngựa đầu đàn là ngựa Mao⁶.

“Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn cỗ xe, trang sức bằng bốn cách, dùng da vằn quý báu đủ màu của các thú như sư tử, cọp, beo, dệt thành đủ loại màu sắc xen lẫn trang sức cho cỗ xe dẫn đầu chạy rất nhanh chóng tên là xe Nhạc thanh⁷.

“Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn thành lớn, giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, lấy vương thành Câu-xá-hòa-dề⁸ làm đầu.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn ngôi lầu; có bốn loại lầu báu, làm bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh; đứng đầu là Chánh pháp điện⁹.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn ngự tòa; bốn loại tòa báu, bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh; trải lênh bằng các thứ nệm, chiếu dệt bằng lông năm sắc, phủ lênh bằng những gấm, the, sa trun, lụa là; có chăn nệm lót, hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương¹⁰.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn chiếc áo song y, áo sơ-ma¹¹, áo gấm, áo lụa, áo kiếp bối, áo gia-lăng-già-ba-hòa-la.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn người nữ, thân thể nõn nà, sạch sẽ sáng sủa, sắc đẹp hơn người, không thua chư Thiên, tư dung đoan chính, ai nhìn cũng sinh ưa thích, trang điểm bằng các thứ vật báu, anh lạc; tất cả đều thuộc dòng

⁶. Mao mā vương 駢馬王。Pāli: Valāhaka-assarāja.

⁷. Nhạc thanh xa 樂聲車。Pāli: Vejayanta-ratha, cỗ xe (= cung điện) Chiến thắng.

⁸. Câu-xá-hòa-dề 拘舍憇提。Pāli: Kusāvati.

⁹. Chánh pháp điện 正法殿。Pāli: Dhammapāsāda.

¹⁰. Hán dịch: *gia-lăng-già-ba-hòa-la ba-giá-tất-đa-la-na* 加陵伽波憩遲波遮悉多羅那。Pāli: kadalimigapavara-pacchattharaṇa, thảm lông bằng da sơn dương cực quý.

¹¹. Sơ-ma y 初摩衣；Pāli: khoma-pilotikā, vải lanh.

Sát-lợi. Ngoài ra, những người thuộc dòng khác thì nhiều vô số.

“Này Tỳ-kheo, lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn món ăn, ngày đêm thường dọn ra cho Ta ăn.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn món ăn kia, có một món hết sức ngon, sạch sẽ, có vô lượng mùi vị, là món Ta thường ăn.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn người nữ kia có một người thuộc dòng Sát-lợi, đoan chánh đẹp đẽ khác thường, hầu hạ Ta.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn song y kia có một chiếc áo song y, hoặc là áo sơ-ma, hoặc áo gấm, hoặc áo lụa, hoặc áo kiếp-bối¹², hoặc áo gia-iăng-già-ba-hòa-la là Ta thường mặc.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn ngự tòa kia, có một ngự tòa làm bằng vàng, hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh; đồ trải lênh thì dùng những tấm nệm, những chiếc chiếu dệt bằng lông năm sắc; đồ phủ lênh thì dùng gấm, the, sa trun, lụa là, có chăn nệm lót, hai đầu để gối, có trải thảm quý bằng da sơn dương, là Ta thường nằm.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn lâu quán kia, có một lâu quán làm bằng vàng, hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh, tên là Chánh pháp điện, là nơi Ta thường ở.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thành lớn kia, có một thành giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, gọi là thành Câu-xá-hòa-de là chỗ Ta thường ở.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn cỗ xe kia, có một cỗ được dùng da đủ màu của các thú như sư tử, cọp, béo dệt thành, màu sắc xen kẽ để trang hoàng, chạy rất nhanh chóng, tên là xe Nhạc thanh, Ta thường ngồi lên, đi đến các lâu quán để ngắm nhìn các vườn tược.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn con ngựa kia có một con màu xanh biếc, đầu như chim, gọi là ngựa Mao, là Ta thường cưỡi, đi đến các lâu quán để ngắm các vườn tược.

“Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn kia, có một thớt toàn thân trắng toát, bảy chi thảy đều ngay thẳng, gọi là voi chúa Vu-sa-hạ, là Ta thường cưỡi đi đến các lâu quán để ngắm các vườn tược.

“Này Tỳ-kheo, bấy giờ Ta nghĩ: ‘Đó là nghiệp quả gì, là nghiệp

¹². Kiếp-bối y 劫 貝 衣。 Pāli: kappāsīka, vải bông (gòn).